

TRÍ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- * Nhân đọc truyện « Lã gia » Hoa-Bằng
- * Tự vị nên chưa chữ « thả »
vào chữ « chẳng » Nguyễn-văn-Tổ
- * Văn học Việt-nam hiện đại (hết) Lê-Thanh
- * Nững ông nghề triều Lê (LXXXIV) Ứng-Hòa
- * Một quyền cổ-sử miền Tây-Á Nguyễn-văn-Tổ
- * Đại nam dật sự (XXXIII) Tăng-Gồn và họ Khúc Ứng-Hòa
- * Nam dân bát châu thi thảo Tùng-Vân
- * Hùng tráng ca Việt-Nam và hùng
tráng ca Âu-Tây Hoàng-thiếu-Sơn
- * Cháy cung Chương-Võ tiêu thuyết (hết) Chu-Thiên

0 \$ 40



NHÂN ĐỌC TRUYỆN « LÃ GIA »

HOA-BÀNG

Lã (hoặc Lữ) Gia là người thê nào và việc làm của Gia ra sao, trên tờ *Tri-Tân* này, Ứng-Hòa tiên-sinh đã nói kỹ ở mục « Đại Nam đại sự », đăng số 104, ngày 22 juillet 1943.

Nay tôi xin tóm-tắt nhắc lại : Nhà Hán bấy giờ muốn thôn lĩnh nước Nam-việt, bèn sai An-quốc Thiệu-Quý sang dụ Triệu Ai-vương và Cù-bộ (vợ Minh vương Anu-lê, mẹ Ai-vương) vào chầu. (mậu thìn, 113 trước Tây-lịch).

Ai-vương còn nhỏ.

Cù-bộ, vốn người Tàu, lại thông với Thiệu-Quý : bướm cũ, hoa xưa.

Họ sửa soạn đem bản đồ Nam-việt sáp nhập nhà Hán.

Lấy tư-cách một vị lão thần, ngăn vua và hậu không xuôi, Gia cùng với em, đem quân giết phăng Ai-vương và Cù-bộ luôn với Hán sử.

Rồi Gia lập Kiến-Đức (con trưởng của Triệu Minh vương) làm vua, tức là Thuật-dương vương (canh ngọ, 111 tr. T. L.), đem binh đón đánh quân Hán, giết được Hán Thiên-Thu.

Lại tỏ ra không chịu khuất phục nước địch, Gia sai gài cớ sứ-thiết nhà Hán « ném » ra ngoài cửa ải và đem binh đóng giữ các nơi hiểm yếu.

Nhưng kết cuộc : rừng đờng, kiệt sức, Lã Gia và Kiến-Đức đều bị nhà Hán bắt được cả.

Mới đây, có cuốn truyện *Lã-Gia* theo thể tiểu thuyết ra mắt độc-giả.

Bằng một lối văn bình-thường, tác-giả tuy không đạt được mục-dịch của nghệ-thuật tiểu-thuyết lịch-sử, vì thiếu màu-sắc thời-dại, nhưng câu chuyện khẳng-khái và tiết-liệt của kẻ cô-trung vẫn đáng được thanh-niên ngày nay suy-ngẫm.

Nhân đọc truyện *Lã-Gia* ấy, lại nhớ, cách đây, độ hơn 20 năm, trên tờ *Thực-nghiệp dân báo*, tôi có viết một bài làm bình về Lã Gia dưới cái biệt-biêu « Việt sử thi ». Đại ý bài ấy : tôi hết sức bả-chora Lã-Gia, cho những hành-vi của Gia đều tỏ được cái thủ-đoạn phi-thường ; người sau không nên vin vào cớ thành bại mà khắc trách được.

Có lẽ người sau cũng thấu, rõ tâm-sự, thương nỗi cô-trung của Gia, nên mấy làng ở vùng núi Côi thuộc Nam-dinh đều thờ Gia làm thần.

Một khi người ta đã sùng-bái ai thì thường tô-diêm cho người ấy trở nên một bậc « siêu phàm » : từ cái sống cho đến cái chết của người ấy đều có vẻ « thần-thánh » khác thường cả. Chẳng thế, ở vùng núi Côi ấy, đến nay dân-gian còn truyền lại câu này về cái « thần-thông biến-hóa » của Gia :

« Làng Côi (1) thờ đầu,
« Làng Hầu (2) thờ cổ,
« Làng Hồ (3) thờ chân. »

Đó vì người ta truyền rằng khi Lã-Gia bị quân Hán đuổi đến vùng làng Côi, đầu đã bị chém, đầu còn

hơi dính với cổ, thế mà Gia còn đủ « thần lực » giữ lấy thủ-cấp, cố chạy cho đến làng Hồ-sơn, rồi mới ngã vật xuống. Thế đã biết, trong khi đầu óc người mình còn bị chi-phối dưới thần-quyền, truyện thần-thoại ấy đủ tỏ dân-gian tôn-sùng Lã-tướng đến chừng nào !

Chẳng những mấy làng trên đây đã hương-hoa đình-dời Lã tướng đến thế, mà ngay làng Thầy ở chân núi Sài-sơn thuộc phủ Quốc oai tỉnh Sơn-tây cũng chung một tâm-lý sùng-bái Lã Gia ấy. Cho nên, hiện nay dân-gian vùng Thầy vẫn kiêng cả tiếng « Lã » để tỏ ý kính-trọng. Vì trại tên « Lã » — nhưng ký tự « Lã » chỉ là họ — nên người ta kêu « nước lã » là « nước lữ ».

Tương truyền : trên Sài-sơn (núi Thầy), trước cửa điện Khôi-thánh trông ra, bên một ngọn núi bích-lập, có một khe nước phẳng rộng độ 1 sào ta. Cư-dân vẫn truyền ngôn rằng đó là nơi nhà đọc sách của Lã-Gia xưa. Xung quanh nhà sách có trồng trúc, nên về sau, người ta vẫn gọi chỗ đó là « Vườn trúc ».

Tôi nhớ trong *Sử-sơn thi lục*, tờ 46b-47a có bài thơ chữ Hán do thi-nhân nhà chơi Vườn trúc trên núi Thầy nhớ Lã tướng quốc mà làm ra :

« Độc thư sơn sát, trúc phong thanh.
Thử địa thiên-thu Lã-tướng danh. »

Ai quốc, tư điều thần Hán vị;
 Tiêm Cù, nghĩa thủ tuyệt
 Khương kinh.
 Kiến-nguyên vô liệt làm phong
 chiếu!
 Trần Lý nhưng công thuộc ứng
 binh.
 Thạch khiêu phong hào, thâm
 dạ ác:
 Dương hiên truyền hịch xuất
 quân thanh.»

(Cúc-Hương —
 «Bộ Trúc viên hoài
 Lã tướng quốc»)

讀書山舍竹風清
 此地千秋呂相名
 愛國思祧臣漢位
 藏繆義取絕姜經
 建元武烈慚封詔
 陳李戎功屬應兵
 石竅風號深夜惡
 當年傳檄出軍聲

DỊCH

Nền còn, sách vắng, trúc vi-vu:
 Lã-tướng, nơi đây, tiếng vãn
 thu...
 Yêu nước, những mong dài
 sống Triệu;
 Đứt Khương (4), theo nghĩa
 phải bám Cù!
 Kiến-nguyên (5) thẹn chiếu
 khôn qua ai!
 Trần Lý ra binh cũng chống
 thù.
 Hang đá, canh khuya, găm
 thét gió:
 Tiếng dáu? — Tiếng hịch xuất
 quân xưa!

Cứ xét truyền thuyết và sự thờ
 cúng Lã-Gia như thế, đủ biết Lã
 tướng là một « nhân-vật lịch-sử »

bấy lâu vẫn được đại chúng mến
 yêu. Mà truyện Lã-Gia giết sứ Hán,
 chống quân Tàu vẫn là một thiên
 mỹ đàm trên trang lịch-sử Nam-
 Việt.

Đề các bạn đọc biết sơ những
 lời mấy nhà xử-thần ta xưa phê-
 bình về Lã-Gia thế nào, tôi xin
 giới thiệu:

Với giọng nghiêm-khắc, sử-thần
 Lê Văn-Hưu (6) trách:

«Lã Gia can-ngán Ai-vương và
 Cù Thái-hậu khiến dừng cầu làm
 chư-bà của nhà Hán, dừng từ-
 bỏ quan-ải ở biên-cương; có thể
 gọi là người biết trọng nước Việt.
 Nhưng, ngăn mà không nghe thì
 theo lẽ phải, Lã-Gia nên đem quân
 thần vào tận Triều-dình bày tỏ tận
 mặt về cái lợi hại: một đảng làm
 tôi nhà Hán, một đảng làm vua
 nước Việt, ngộ bầu Ai-vương và
 Thái-hậu có cảm-hóa mà giác-ngộ
 chăng. Nếu họ còn không chịu theo
 thì Gia nên nhận lỗi mà thoái vị.
 Bấy chằng, thì theo việc cũ Y-
 Doãn, Hoắc-Quang đã làm, riêng
 lựa lấy người con của Minh-vương
 mà cho thay lên nối ngôi, khiến
 Ai-vương cũng như Thái-Giáp và
 Xương-ấp vương giữ toàn được
 tính mệnh thì lui tới đều không 'đi'.
 Nay Lã-Gia đi thì vua dè cho thỏa
 điều oán riêng, lại không hay cố
 chết để giữ nước khiến nước Việt
 phải tan rã mà làm tôi người Hán
 thì Lã-Gia không còn tránh đầu
 cho kẻ tội-chết.»

Sử-gia sau đây lại còn thông-
 trách Lã-Gia không biết đỡ tiệp
 phòng vì đối với việc Cù-thụ —
 Thiệu Quý:

«...Lã-Gia cáng-dang một nước,
 việc trong, việc ngoài, là lại
 không dự biết sao?... Bọn Gia dữ
 kỳ dọp ngọn lửa trong lúc dương
 bốc cháy cả cảnh đồng, sao bằng
 lấp tắt cái mầm họa loạn ở lúc
 chưa nảy...» (Sử thần Ngô Sĩ Liên)
 (7).

Bằng giọng chắt chẻ hơn,
 nghiêm nhặt hơn, sử-thần Ngô-
 Thì-Sĩ (8) bàn rằng:

(Xem tiếp trang 21)

(1) Bữa làng Côi: Côi-sơn, Văn-
 côi, Văn-côi và Mỹ-côi.

(2) Hào kiệt.

(3) Hồ-sơn.

(4) Kinh Xuân-thu nghiêm việc nam
 nữ hữu biệt, nên đối với Tề Khương
 là người gái góa mà hay quy ninh
 sau lúc cha mẹ đã mất cả thì Xuân-
 thu tất phải chép đề tỏ ra không nên
 có sự ái lại như vậy.

(5) Niên hiên vua Hán.

(6) Lê Văn Hưu người đời Trần,
 quán làng Phú-lý, huyện Đông sơn,
 trấn Thanh-hoa, đỗ bằng-nhân khoa
 đình mùi (1247) niên hiệu Thiên-
 ứng-chính-bình, làm quan đến Bình-
 bộ thượng thư, Nhân uyển hầu, làm
 làm-viện học sĩ, giám-tu Quốc-sử.
 Văn-Hưu sửa Đại Việt sử ký 30
 quyển.

(7) Ngô Sĩ Liên, người đời Lê,
 quán làng Chúc-lý, huyện Chương-
 đức, trấn Sơn nam, đỗ đồng tiến-sĩ
 khoa nhâm tuất (1442) niên hiệu
 Đại-bảo, làm quan đến Lễ bộ tả thị
 lang kiêm Quốc sử quán tu soạn.

(8) Ngô Thì-Sĩ, hiên Ngô-phong
 cư-sĩ, cũng người đời Lê, quán làng
 Tả Thanh oai, huyện Thanh oai,
 trấn Sơn-nam, đỗ hoàng giáp khoa
 bình-tuất (1766) đời Cảnh-hưng,
 ra đốc trấn Lạng sơn, kiêm Quốc
 sử hiệu chánh. Thì-Sĩ làm Việt sử
 tiêu-án.

Tư-vị nên chua chữ « thà » vào chữ « chẳng »

(Trả lời báo Thanh niên — bài nối)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Kỷ trước tôi đã nói quyền tư-vị của ông J. F. M. Génibrel (là quyền Đại-Việt quốc-âm Hán-tự Pháp-thích lập thành, *Dictionnaire annamite-français*) in ở Sài-gòn năm 1898 và quyền tư-vị của ông Gustave Hue (*Dictionnaire annamite chinois-français*) in ở Hà-nội năm 1937, hai quyền đều chép chữ « chẳng thà » cùng với chữ « thà » làm một, và đều dịch cả hai chữ là « đánh thố còn hơn » (plutôt, mieux vaut, plutôt que de), — không dịch tách chữ « chẳng » là « không », « thà » là « đánh thố » như tác-giả mục Thấy đâu nói đó của báo Thanh niên.

Lấy vài quyền tư-vị nữa ra xem thì:

1. — Quyền Đại-Nam quốc-âm tư-vị hợp giải Đại-Pháp quốc-âm (*Dictionnaire annamite-français, langue officielle et langue vulgaire*) của ông Jean Bonet in ở Paris năm 1899-1900, giảng chữ « thà » là « còn hơn » (plutôt, il vaut mieux que, il est préférable de), — và chép chữ « chẳng thà » liền với chữ « thà », mà cũng dịch nghĩa là « còn hơn » (plutôt que), thí dụ « Thà chịu nghèo cực, chẳng thà ăn ở xấu » (Il est préférable d'être dans la misère plutôt que de se mal conduire), nghĩa là đánh chịu nghèo khổ, còn hơn là cư-xử không tốt để cầu sung-sướng; « Thà cho người ở cho ấm-cúng, chẳng thà bỏ đất hoang ». (La bonté de l'homme importe plus que la ri-

chessé de la terre), nghĩa là để người ta ở cho đông-dúc vui-vẻ, còn hơn là bỏ không, nghĩa bóng là lòng người tốt còn hơn đất tốt.

Thế mà tác-giả bài Thấy đâu... của Thanh niên dám nói: « Như những câu tiên-sinh dẫn chứng trên đây thì rõ-ràng chữ « Thà » và « chẳng thà » không có một nghĩa với nhau được »! Có phải nhầm mất cái liền không?

2. — Tư-vị của ông P. — G. Vallot (*Petit dictionnaire annamite-français*) in ở Hà-nội năm 1904, và tư-vị của ông V. Barbier (*Dictionnaire annamite-français*) in lại lần thứ tư ở Hà-nội năm 1937, cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà », và cùng dẫn một câu thí-dụ na-ná như nhau, là câu « Thà chết, chẳng thà phạm tội » (préférer la mort au péché), nghĩa là đánh chết còn hơn phạm tội.

3. — Quyền Pháp-Việt tư-vị (*Dictionnaire annamite-français à l'usage des élèves des écoles et des annamitisants*) của ông G. Cordier in ở Hà-nội năm 1930, không dẫn thí-dụ; nhưng cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà » và cắt nghĩa cả hai chữ là « còn hơn » (il vaut mieux, plutôt).

Thế mà tác-giả bài Thấy đâu... của Thanh niên cứ gán « cả » (cả) « Đâu có đồng một nghĩa với nhau »! Để rồi có thừa chỗ, tôi dẫn vài quyền tư-vị nữa.

Nay hãy nhắc lại một việc tôi đã nói từ năm 1931-1937 về bộ

Việt-nam tự-diễn trong báo Đông-thanh (số 16, 19, v. v.) và tập kỷ-yếu của Trương Bắc-cò (q. XXXI, v. v.) và Hội Trí-trí (q. VII, v. v.)

Tư-vị làm ra, cốt tìm cho dễ cho chóng; những chữ kếp, phải chua cho đủ để người tìm khỏi mất thi-giờ. Xưa nay quyền nào cũng chép chữ « chẳng thà » vào chữ « thà »; thế là phải lắm, hợp nghĩa lắm, và càng rõ tác giả bài Thấy đâu... của Thanh niên hay cái liền. Đối với những người như thế và những người mới tập tra tư-vị, nên thêm hai chữ « chẳng thà » vào chữ « chẳng » và chua câu « Xem chữ thà ».

Có lẽ các nhà làm tự-diễn sợ thêm như thế thì sai mất nghĩa, nhưng tôi tưởng chỉ dẫn câu, không cắt nghĩa thì không ai lẫn được. Tự-diễn Pháp thường chua vào chữ « chẳng » (1).

Giá tự-diễn ta cũng theo lối ấy, thì tác-giả bài Thấy đâu... không đến nỗi cãi chày cãi cối rằng: « Nếu quả vì không biết « tìm tôi suy nghĩ gì cả » thời ấy đã không bao giờ tôi cổ (!) đem vấn đề này ra mà chất-vấn tiên-sinh... »! — Tìm tôi thế nào? Dẫn Từ-nguyên thì nhầm nghĩa! Dẫn tự-diễn Génibrel thì bỏ chữ « chẳng thà »! — Suy-nghĩ những gì? « Nguyễn bán lỗ », « không nguyện làm di, con trâu », có phải không?

Tác-giả kể một câu chuyện, trên nói như thế này: « Bèn nhá

Tôi (?) có một bà... bẽ (!) mỗi khi có ai làm phật ý bà, bà đến trước cửa nhà máng... — Tôi tưởng-tượng bà đọc tờ *Thanh niên*, bà sẽ nói: « Ừ sao lần-thần thế?... Nguyễn bán lỗ!... Không nguyện làm dít con trâu! Đâu có chuyện ngang như vậy! » Bà đọc câu « Hơn nữa (?) », là (!) một tờ báo thuộc về ngôn-luận, không phải như một quyển sách, trước sau chỉ có một người viết thôi, cho nên tác-giả bài nào chịu trách-nhiệm tư-tưởng (?) của mình trong bài ấy, — tất bà bĩu môi, nói rằng: « Sao mà rởm thế? Nguyễn bán lỗ, không nguyện làm dít con trâu, mà cũng đòi là tư-tưởng! »

Phần bà « bẽn nhả » tác-giả như thế; phần tôi, thì phải xóa hai chữ « hơn nữa », vì không thấy « hơn » gì đoạn trên, rồi chữa câu ấy như thế này: « Một tờ báo thuộc về ngôn-luận, không phải như một quyển sách, trước sau chỉ có một người viết (xóa chữ *thôi*), cho nên tác-giả bài nào chịu trách-nhiệm bài ấy. (xóa năm chữ *tư tưởng của mình trong*). »

Còn phải chữa nhiều, nhưng chữa thế cũng đủ cho *Thanh niên* biết rằng cần phải đặt câu cho đúng mẹo, rồi hằng đăng báo. Như câu: « Thế thì đâu phải tôi bẽ xằng... cũng là (chữ là và) bà đâu nói đó như tiên-sinh đã nghĩ đâu »: chữ « đâu » này chương lẫn, nên xóa đi (2).

Kể xóa thì còn nhiều: đến câu con-con cũng phải xóa, như đầu bài có câu: « Tôi có chất-vấn ông Nguyễn-văn-Tổ về chữ *Thà* và *Chẳng thà*: Chữ *Chẳng* có nghĩa là không, vậy đề *chẳng thà* là nói nghịch (!) với ý-muốn (!) của

mình sao? Chỉ có thế thôi ». — Nếu « chỉ có thế thôi », sao dưới lại nói: « Những đều tôi bắt bẽ tiên-sinh... »? Có phải là « giấu đầu hở đuôi » không? Mà hơmlinh một cách dom-dở! Chẳng thấy « bắt-hẻ » đâu, chỉ thấy bịa những chuyện « nguyện bán lỗ », « không nguyện làm dít con trâu », thật là vừa làm trò cười cho thiên-hạ, vừa làm sai cả nghĩa tiếng nước nhà! Thế mà dám cầm bút viết báo! Thảo-nào phương-ngôn có những câu chế giễu người học không thông, mà hay nói chữ, như câu « chẳng thà chịu mít đặc... còn hơn hay chữ lỏng »!

Ứng học NGUYỄN-VĂN-TỔ

1) *Thi dụ quyền* Dictionnaire général de la langue française của ông A. Hatzfeld A. Darmesteter và A. Thomas. chép chữ ne (là chẳng) như sau này: « Adverbe explétif — 1. Avec les verbes qui expriment la crainte: Je crains qu'un songe ne m'abuse (Rac., Phèd., II, 2). Je tremble que sur lui volre juste colère Ne poursuive bientôt une odieuse mère (Ibid., II, 5) La reine de Cythère appréhendait qu'il ne lui fallût renoncer à l'empire de la beauté (La F., Psyché, 2). — 2. Avec les comparatifs d'inégalité. Plus amoureux que je ne le fus jamais (Rac., Bér., I, 4). Les batailles sont beaucoup moins sanglantes qu'elles n'étaient (Montesq., Lett. pers., 106). Je vous entends ici mieux que vous ne pensez (Rac., Mithr., II, 4). Je le souhaite ainsi plus que je ne l'espère (Corn., Cid.,

II, 3) Par analogie. Après autre, autrement: On se voit d'un autre œil qu'on ne voit son prochain (La F., Fab., I, 7). Il agit autrement qu'il ne parle ».

Cách dùng chữ ne với chữ douter (nghĩ ngờ) đã dùng kỳ trước. Nay có mấy bạn đọc báo hỏi chữ prendre garde (khéo mà, giữ cho khỏi, đừng để cho), tôi lại lấy mẹo chép ra san đây. Quyền F. Brunot, La pensée et la langue (trang 569) dạy rằng: « Théoriquement: 1° Avec que et le subjonctif, le verbe signifie avoir soin que telle chose soit: Prenez garde, mon fils, que vous entendiez tout ce que vous faites. Cet emploi est aujourd'hui archaïque. — 2° Avec que et ne, l'expression signifie avoir soin que la chose ne soit pas: On m'a enchargé de prendre garde que personne ne me vît (Mol., G. Dand., I, 2); — Prends garde que jamais l'astre qui nous éclaire Ne te voie en ces lieux mettre un pied téméraire (Rac., Phèd., 1061). — 3° Avec un infinitif sans ne, il signifie s'efforcer d'éviter: Prends garde de tomber; le peuple dit « de ne pas tomber ». — 4° Avec ne pas, le sens est avoir soin de ne pas Prends garde de ne t'enfler pas (Boss., His., II, 7, L.). Il y a dans toutes ces règles qui concernent ne beaucoup d'arbitraire... »

2) Sở dĩ chữa và xóa như thế là để cho tác-giả bài Thấy đâu. của Thanh niên biết rằng cần phải luyện-tập nhiều lắm, mới có thể bàn đến những chữ thành-ngữ, như chữ « chẳng thà ». Câu văn của mình chưa gọn thì bẽ thế nào được đâu văn của người! Trên kia tôi đã nói nếu có rộng chỗ, nếu có nhiều bạn đọc báo hỏi cách dùng chữ ne, tôi sẽ nhân đây chữa nốt cho Thanh niên, — trả lời cho đọc-giả, — và bàn một vài vấn đề ngôn-ngữ, để bớt vẻ bút-chiến vô-vị.

Un livre indispensable aux candidats :

GENT RÉDACTIONS AU CERTIFICAT

Par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng Instituteurs

(adoptée par la Commission des manuels Scolaires de l'Indochine)

Nouvelle édition Prix 1\$50-Port 0\$12 Recommandé : 0\$12

Prière d'envoyer les timbres postes à la librairie

Dòng Tây 195, rue du coton Hanoi

Văn học Việt-nam hiện đại

Số 5

LÊ-THANH

Đáng chú ý nhất, như đã nói trên, là việc cộng tác với ông Đông Châu trong hai bộ *Mạnh tử* và *Luận ngữ*. Sơ thảo đã đăng trong *Nam phong*, sau này đem in thành sách: Đầu sách có lời căn chỉ như sau này:

«Cái thời kỳ giáo dục của dân-tộc ta ngày nay, là cái thời kỳ nên xu-hướng về quốc văn, sách này. — cốt là lột lấy tinh thần trong chữ nho ra mà truyền sang chữ quốc ngữ khiến cho những người muốn cầu lấy đạo của thánh hiền, chỉ cần ở trong văn quốc ngữ cũng đã có thể lĩnh hội được...»

Bộ *Luận-ngữ* dịch đến thiên *Hương đảng* độ thập. «Tôi tưởng, tiên sinh nói, sau này dịch tiếp cho xong toàn bộ, nhưng chẳng may công việc đang dở dang, tôi bị táng mình thành hổ cả. (1)

Ông *Lê - Thân Trân-trọng-Kim*.

Ông thuộc phái tây học, nhưng thiên về cổ học, trong công việc bàn giao cái hương hỏa tinh-thần, ông gánh cái trách-nhiệm ghi lại cho bọn tân học cái nghĩa của nho giáo.

Muốn hiểu cái mục-dịch của ông không gì bằng nhắc lại đây một đoạn của câu chuyện ông đã cho tôi nghe cách đây hơn một năm:

«Kể từ đầu thế-kỷ, ở nước ta cũng như các nước khác ở Á-đông có cuộc xung đột lớn của hai nền văn hóa mới từ ở Âu-châu đưa vào. —

«Kết cục của sự xung đột ấy, văn hóa của mình sụp đổ tan tã, rã rời... Người mình tựa như ngồi trên con thuyền không lái, về đời tinh-thần, không biết bầu vùi vào đâu.

«Như vậy, một phần là do cái sức mạnh của văn hóa mới, một phần do sự lăm lặc trong học vấn của mình.

«Một người An-nam thuộc vào hạng học-thức là một môn đồ của Nho giáo. Tứ thư, Ngũ kinh thuộc lâu lâu, nhưng thuộc chưa chắc hiểu, nhất là cái tinh thần của nho giáo thì ít người chịu đi sâu vào nó để hiểu biết một cách tinh tường. Thành ra một nhà nho có khi chỉ nho ở cái áo khoác ngoài. Đến khi thấy một cái áo khoác ngoài có cái hình-thể khác, mới mẻ hơn, cứ việc cởi cái cũ của mình để khoác cái áo mới vào, không do dự, không nhớ tiếc...

«Tôi vừa phác qua cái tình cảnh của Nho-giáo ở xứ ta cách đây hai ba mươi năm. Tôi đã so-sánh văn hóa ấy với «một ngôi nhà cổ rất đẹp, lâu ngày không ai sửa sang, đến nỗi bị cơn gió bão đánh đổ tẹp xuống. Ngày nay đâu có muốn dựng lại cũng không được vì người không có, mà của cũng không... Và thời thế đã xoay vần, cuộc đời biến đổi, người trong nước đang háo hức về sự bỏ cũ theo mới không ai nghĩ gì đến cái nhà ấy nữa.

«Song cái nhà cổ ấy tự nó là một cái bảo vật vô giá, không lẽ để nó đổ nát đi mà không tìm

cách giữ lấy cái di tích. Không gì nữa thì ta cũng phải vẽ lấy cái bản đồ, để người sau biết rằng cái nhà ấy khi xưa đẹp thế là thế mà sau đổ nát là thế.

«Việc làm quyền sách nói về Nho-giáo tức là làm việc vẽ lấy cái bản đồ của Nho-giáo.

«Đáng lẽ là cái việc của những người đã sinh trưởng trong cái không-khí Nho-giáo, đã tiếm-nhiệm cái không-khí Nho-giáo. Nhưng khốn thay, người đời lãnh đạm, ai nấy thấy cái học cũ đã đổ nát thì thôi, không ai lưu ý đến nữa. Vậy chúng tôi vì chút lòng hoài cổ, không quản sự khó khăn, không sợ việc to lớn, đem cái sức nhỏ mọn ra mà làm...

«Sau này nếu nhờ cuốn sách của tôi mà có người biết cái tinh thần của xã-hội ta khi xưa bởi đâu mà sinh ra, và cái tinh thần ấy về sau tại sao mà hư hỏng đi, tưởng chúng tôi đã đạt được một phần mục đích vậy.» (2)

Về cuộc bàn giao trên này, ông Nguyễn bá-Trác diễn thuyết ở hội quán hội Trí-tri Hà-nội, nói rằng:

«Các ngài cựu-học ới! Cái học chúng ta, tuy không thích dụng với đời, nhưng mà cái học thuộc về nghĩa lý, không khi nào bỏ đi được. Chúng ta không nên vì những sự thiệt thòi trước mắt mà sinh thoái chí. Chúng ta bắt phượng đem những sự mình đã biết mà công hiến cho người sau. Ta đương lúc thoái vị, thì ta phải vì xã hội mà làm những công việc bàn giao, cho chính đáng. Phạm

những nghĩa lý thuộc về Hán học thế nào, chỗ nào là sở trường, chỗ nào là sở đoản, chỗ nào đáng theo, chỗ nào không đáng theo, ta nên làm ra sách vở để bàn giao cho người kế vị ta về sau. Nếu được như thế, thì vong linh các bậc tiên hiền, tiên triết còn được hả lòng yên bụng, mà cho rằng những phương đề tử hiện còn ở dương thế, đã vì xã hội mà làm việc chính đáng cho rồi cái nghĩa-vụ của nhà nho. Lại khiến cho người đời sau cũng nhớ rằng : cái học này được lưu truyền là vì trong thời đại ấy, nhân sự học thay cũ đổi mới, mà có bọn cự-học làm công việc giao-đại, để giao-phó cho chúng ta đây. Như thế thì trách nhiệm, các nhà nho học đối với đời không phụ, đối với tổ tiên, với người đời sau không phụ vậy. Xin chớ ngồi than là thất thời lỡ vận, mà như ai kia, ngâm câu thơ rằng « *Thối có ra gì cái chữ nho, ông nghề ông cống cũng năm-co* ». Tôi thiết tưởng than trách như thế, không những mình tự phí bạc lấy sự học của mình, mà người ta lại khinh mình rằng có lòng ghen tị nữa.

« Lại tôi thường thấy có một hai ông đồ ở đời bây giờ, thường cho chữ Hán là « văn-chương tàn cuộc » Ôi ! Ấy nói về lối Hán-học từ chương thì còn thể nghe được, chứ nhất thiết cho Hán-học là văn chương tàn cuộc, thật là sự lầm to. Vì sao ? đời bây giờ, vô luận là học chữ nào, sự tiến bộ càng ngày càng chóng, thì chữ nghĩa càng ngày càng mới, đến Hán-tự cũng thế; nếu bỏ những một đôi năm không đọc sách thì không thể xem những sách mới được.

Thật chính là « văn chương tàn cuộc », chứ không phải là « văn chương tàn cuộc ». Cho nên các ngài cự học bây giờ, nếu có bụng bảo tồn quốc túy thì cũng cần phải học Hán nữa, để biết thêm chữ mới và những lý thuyết mới.

« Nay tôi lại xin khuyên các ngài tấn học :

— Các ngài tấn học ôi ! Phải Hán-học ngày trước, vô luận nên hư thế nào, nay cũng đã sắp xong trách nhiệm, còn cái trách nhiệm về sự học-văn, sau này, thì ắt về phần các ngài vậy. Các ngài sinh trưởng trong cái xã hội có trật-tự, trong cái cơ-quốc có văn vật, trong tâm thần các ngài cũng từng nhớ đến phải cự học, là một cái học phải trong khi ta mới tiếp được văn hóa của Âu-Tây, thì ta thường chê là hủ lậu. Ma đến khi ta về chốn gi-dinh, nơi hương-tộc, hưởng được sự vui sướng thuộc về luân-lý, về trật-tự, thì ta lại ngùi ngùi nhớ nghĩ rằng : công ai gây dựng được cơ ngày nay. Các ngài đã nghĩ đến thế, thì phải tìm cách làm sao cho bảo-tồn lấy cái học ấy. Các ngài, nếu đã công nhận rằng cái học cũ cũng không nên bỏ, thế thì đương khi phải cự học bàn giao việc học cho các ngài, tôi xin thay mặt phái cự học mà khuyên các ngài như sau này :

« 1.) — *Khuyến các ngài tấn học thanh niên nên biết một ít chữ Hán* — Tuy chữ Hán chẳng qua là cái hình tượng để biên chép cho nhớ ; muốn bảo tồn quốc-túy cũng có thể lấy chữ quốc ngữ mà bảo tồn, không cần phải Hán-tự. Nhưng mà chữ Hán thật là cái tài liệu rất tốt cho văn quốc ngữ, Không phải tôi nói rằng có

chữ Hán mới làm được « văn-chương quốc-ngữ » đâu, nhưng mượn chữ Hán làm văn quốc ngữ, thì vừa sung túc mà tài người mình nghe vẫn quen. Tôi thiết tưởng rằng các ngài nên gắng công học một ít chữ Hán để mà dùng chữ và ngày sau để nghiên cứu. Chương trình của chính-phủ đã đặt về Hán-học thế nào, thì các ngài sẽ thực hành mà lại tìm cách học tập thêm nữa. Xin các ngài đừng bỏ qua, rồi ngày sau nhân tiếng quốc âm mình còn thiếu thốn, khi đối với người Tây có cần dịch nghĩa câu chuyện gì mà thiếu tiếng, thì dờ cho rằng chữ nay nước tôi không có tiếng, để cho người ta chê mình là cái nước nghèo tiếng vậy. »

2.) « *Tôi xin khuyên các ngài tấn học đã thành tài nên nghiên cứu cho thêm Hán học.* — Các ngài sẽ là những bậc « văn học chủ ông » ở trong thời đại mới-mẻ này, học thuật Thái-tây nhờ có các ngài mà truyền bá trong nước ta, quốc dân cũng lấy làm cảm ơn các ngài lắm. Nhưng quốc dân hãy còn trông các ngài đương lấy cái trách nhiệm « bảo tồn Hán học ». Các ngài là người Việt-Nam, tất nhiên cũng tự phụ

(Xem tiếp trang 17)

Giá báo

1 năm	18\$00
6 tháng	9, 50
3 tháng	5, 00
Mỗi số	0, 40

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 84

Ứng-hào NGUYỄN-VĂN-TỔ

Khoa nhâm-tuất (1502), 24 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân, kê tên dưới này:

1. — **Nguyễn - cảnh - Diên**, người làng An-tử thượng, huyện Tân-minh, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 56 tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ, tức hoàng-giáp, khoa nhâm-tuất. Làm quan đến Lễ bộ thượng-thư (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 76 a).

2. — **Nguyễn - đức - Khâm**, người làng Uông-bà huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Năm 33 tuổi đỗ hoàng-giáp khoa nhâm-tuất. Làm quan đến giám-sát ngự-sử. Là em Nguyễn tuyên-Gần, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1487: anh em cùng triều (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 61 b).

3. — **Nguyễn - như - Côn**, người làng Trại-sơn, huyện Giáp-sơn, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 22 tuổi đỗ nhị-giáp khoa nhâm-tuất. Làm quan đến chánh-đoán-sự (*Đăng khoa lục*, q. 1,

tờ 51 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 96 a, chép đỗ năm 23 tuổi).

4. — **Trần-Dực**, người làng Ngải-lãng, huyện La-giang (La-sơn), phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 38 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 19 b-20 a, chép năm 32 tuổi). Bốn kỳ thi hội đều thứ nhất. Lại đỗ khoa đồng-các. Hay làm văn thơ nôm. Năm canh-ngọ (1510) hiệu Hồng-thuận, làm quan đến Đông-các hiệu-thư, phụng họa thơ vua Lê Tương-dực, thường được thưởng. Mùa hạ năm nhâm-thân (1512) cùng với Khang-quận-công là Trần-Nghi đến tỉnh thành Nghệ-an, đem quân đi đánh giặc bề, chẳng may gặp sóng gió, chết về việc nước (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 19 b-20 a). Về việc ấy, bộ *Khâm-định Việt-sử* (q. 26, tờ 16 a-b) chép như sau: « Năm nhâm-thân (1512) hiệu Hồng-thuận thứ tư, đời vua Lê Tương-dực, bọn Lê-Hy, Trịnh-Hưng, và Lê-minh-Triệt làm loạn,

ở Nghệ-an. Vua sai Khang-quận-công là Trần-Nghi, Đông-các hiệu-thư là Trần-Dực đem quân đi đánh. Thuyền quân của Trần-Nghi và Trần-Dực tiến đến Nghệ-an. Lê-Hy và Trịnh-Hưng chia đường trước sau giáp đánh: Trần-Nghi và Trần-Dực biết thế lực không địch nổi, chèo thuyền ra bể, gặp gió, cả toán quân đều chết. Trần-Nghi và Trần-Dực đều chết đuối. Bọn Lê-Hy thừa thắng, tiến bức huyện Lôi-dương. Vua sai nguyên quận-công là Trịnh-duy-Sản đem quân và Đỗ-Nhạc làm tán lý, tiến đánh, chém được Lê-minh-Triệt, bắt sống được bọn Lê-Hy và Trịnh-Hưng, đóng cũi đưa về kinh-sư, làm tội chết ». *Đăng khoa lục* (q. 1, tờ 51 a) chép Trần-Dực làm quan đến Hộ-bộ tả-thi-lang, chắc là sau khi chết được truy-tặng.

5. — **Lê - văn - Học**, người làng Đông-tháp (theo bia Văn-miếu; còn 2 quyển *Đăng khoa* đều chép là làng Lôi-tuyền), huyện Đông-thành, phủ Diên-châu, tỉnh Nghệ-an. Năm 33 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 33 a; *Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 51 a chép đỗ năm 32 tuổi).

(Xem tiếp trang 16)

Đón coi đặc san về :

TỤC NGỮ VÀ CA DAO

— sẽ có những bài viết công phu của những nhà văn quen biết như :

Ứng Hoè Nguyễn văn Tổ — Hoa Bằng — Trúc Khê — Tiên Đàm — Nhật Nham — Khái Sinh — Cách Chi — Trịnh như Luân — Phạm mạnh Phax — Phan khắc Khoan — Hằng thiêm Sơn — Nguyễn đình Thi — Kiều thanh Quế và nhiều cây bút khác...

— sẽ ra vào hạ tuần tháng này.

Một quyền cớ sử miền Tây-Á

Ông Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tạp-chi Văn-mới, số 24 và 25, từ ngày 25-12-1943, có đăng quyền Thượng cớ sử Cận Đông của ông Nguyễn-đức-Quỳnh, khổ g 32 x 24, được 231 trang. Kề ra phải tốn nhiều công mới làm được một quyền sử như thế. Người đời xưa làm sách phải ba lần thảo, ba lần bỏ đi (tam thảo tam bỏ) mà chưa dám gọi là hoàn-cảo. Vậy tôi bàn mấy câu sau này để tác-giả cớ sửa chữa vào lần tái-bản cho được bổ-ích.

Ngay tên sách, tác-giả theo chữ tây gọi là Cận-Đông (Proche Orient), tôi không rõ. Người châu Âu gọi miền Tây Á là Cận Đông thì phải nhưng đối với người châu Á thì lại gọi là Đông-Á hay Tây-Á, mới đúng. Cũng như chữ Viễn-Đông (Extrême-Orient) dịch ở chữ Pháp ra: ở châu Âu thì gọi là Viễn, nhưng đối với người mình và người châu Á thì gọi là Á-đông mới phải, tức là những miền phía đông châu Á, giáp Thái-bình-dương, như Tàu, Nhật, Ấn-độ Đông-dương và quần đảo Mã-lai.

Ấy là hai chữ tên sách, còn tên đất, tên nước, cũng theo sách tây nhiều quá, như trang 24 tác-giả viết «... dân Médie...», thì đúng tên nước, đến trang 25 lại viết «dân Mèdes», trang 32 lại viết «tiếng médique», v. v. : sách quốc-ngữ chép những tên không mấy người đọc qua, mà lại chép bằng chữ «lĩnh-từ» hay «hình-dư-gi», thì người không biết chữ tây hiểu làm sao được?

Các tên nước ở miền Đông Á, bên mình ít người biết đến. Thế mà tác-giả vẽ ba cái bản đồ, lại chép tên rúi (mont), hồ (mer), sa-mạc (désert), tạo bằng chữ tây! Thí-dụ trong bản đồ đầu là «Mer noire» trang 141 in là Hắc Hải, trước sau không hợp, sợ người không xem qua sách tây không hiểu. Núi mà trong bản đồ viết là «Mt», thật là không nên. Lại nữa, như trang 58 tên trang 111, nói về nước Chaldée, thế mà trong bản đồ không thấy chữ Chaldée, chỉ thấy viết tên thủ-đô (Babylone), người muốn học sử Tây-Á, và xem bản đồ ấy thì còn biết thủ đô ấy về nước nào?

Giá cho đủ, và bất-chước quyền Albert Malet, *L'Antiquité*, để cho người mình biết kỹ-thuật, kiến-chức, giống người Tây-Á thế nào, thì quyền này sẽ được giá trị thêm lên nhiều lắm. Nhất là phải chú ý những chỗ lầm lẫn, như trang 61, có câu «Dân Khmer ở đảo hồ Tonlesap»: câu ấy nhầm. Sao không nói dân cao môn cho dễ hiểu, lại nói dân Khmer? Tác-giả lấy chứng cứ ở sách nào, mà cho là dân ấy ở đảo hồ? Năm 1904. Ông Armand Rousseau có làm bài luận thi luật-khoa bác-sĩ (*Le Protectorat français du Cambodge*, trang 10) trong có một câu rằng: «Dân bờ sông Cửu long có phước của đất trũng lũng lầy nước mưa nước lụt đọng lại. Họ lụt một vài chỗ đất khô đi, một vài chỗ khác thì đất đã lầy, và

mùa nước lên, thì nước lầy lầy hồ rộng, tàu bè đi lại được và nhiều cá-lâm. Hồ lớn Tonlé Sap và hồ con là một cái thí dụ đặc biệt ở vùng biển hồ ấy.» Xem như thế, thì khỏi phải dân Cao-môn đào ra hồ Tonlé Sap. Nguyễn-văn đoạn sách ấy như sau này: «Près des rives du Mékong, se trouvent des parties en contre-bas formant des sortes de cuvettes où s'accumulent les eaux de pluie et d'inondation. Quelques unes de ces cuvettes se dessèchent après l'inondation, d'autres forment au contraire des marais persistants qui, à l'époque des hautes eaux, deviennent de vastes étendues navigables et très poissonneuses. Le Tonlé Sap avec ses deux lacs, en est un exemple typique» (xem cả quyền J. Moura *Le Royaume du Cambodge*, q. 1, tr. 34, v.v.).

Tên người cũng nhầm như tr. pg 146, tên ông G. Contonau, làm ra quyền *La civilisation d'Assur et de Babylone. L'art de l'Asie occidentale, Manuel d'archéologie, orientale*, v.v. Ông Nguyễn-đức-Quỳnh chép là Contureau, v.v.

(Còn nữa)

Ông Hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

— Ô. Hoài Liêm — Bất hoan ngành lịch sử — Xin cứ gửi — Vì riêng mấy bài không đăng được, xin lỗi.

— Ô. N. t. Hòa — Huê — Vì bận nhiều việc nhà in Tri Tân chưa kịp in được. Tác phẩm của ông dành phải đợi một ngày x. Xin lưu ý môn lấy về xin, biết không tốt khi có lý giải rồi lại bị thiệt quyền lợi của.

Y XUẤT BẢN

Nhân quyền

« Vang bóng một thời » tục bản

(Tập truyện ngắn của Nguyễn Tuân)

KIỀU-THANH QUẾ viết

Thời xưa !

Một thời xưa của nước Việt-nam cổ.

Những cái vang, cái bóng của cội thời ấy, Nguyễn Tuân trình trọng ghi chép lại như một nhà lịch sử ký sự, bằng ngòi bút tỉ mỉ của một nhà tiểu thuyết chơi văn.

Vang bóng một thời là một toàn khối dựng đủ « mùi tiêu sái » của người xưa trong các quan niệm « chơi », « nhàn » v. v. ...

1-) Truyện « Một cảnh thu mùa » của tập *Vang bóng một thời* cho ta một ý niệm chặt chẽ nhất về quan niệm cổ nhân. Ông Cử Hai trong truyện quả là cái khuôn mẫu mà ngày xưa Cao Chu Thần đã vẽ phác bằng mấy vần thơ thanh thoát :

« Nhân sinh thiên địa gian
nhưt nghịch Lữ
Có bao lăm ba vạn sáu nghìn
ngày ?

Như thoi đưa, như bóng sồi,
như gang tay.
Sực nhớ chữ « cội nhân bình
chúc »

Cao sơn lưu thủy thi thiên trực,
Minh nguyệt thanh phong tửu
nhưt thuyền. »

... Và Nguyễn công Trứ đã bộc lộ trạng thái bằng mấy lời thổ thán :

Oi nhân sinh là thế ấy :
Như bóng đèn, như máy nối,
như gió thổi, như chiêm bao.
Ba mươi năm, hưởng thụ biết
chừng nào ?

Vừa tỉnh giấc nời kẻ chưa chín !
Vật thái mạt cùng vãn ảo biến
Thế đồ vô lực thủy doanh hư ?
Cái hình hài đã chắc thiết
chưa,
Mà lẽo đẽo khóc hoài rửa mãi ?
Trời dít hẽ có hình cũng hoại
Ý chi chi mà chắc chắc : cái

chi chi ? »
« Ông Cử Hai có khoa mà không có hoạn, và cái khoa mục ấy giá không nói ra thì không ai biết. Người có hoa tay, thêm được chút tâm hồn lãng tử, nên ông Cử Hai sống cuộc đời mình như người ta chơi vậy thôi. Người ấy thực là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh. Ông ta sinh ra để mà đùa với cuộc sống và bắt đầu từ việc đem ngay cái tài hoa của mình ra mà đùa nhả với sự nghiệp thân thế mình. (1) »

« Ông Cử Hai đi dạy học, đã lấy cái việc dạy học làm một mưu hồ khẩu mà y như là đi ngoạn cảnh hoặc là đi dâng hương ở các đền chùa cổ tích. Và những lúc mỗi chân phải ngừng ở lại các thôn ờ, ông lại còn thỉnh thoảng ngừng cả cái miệng giảng sách hoặc ngừng chấm nét son lên quyền bài đề đề một bức châm lên là quạt tặng một ông bạn đồng song, đề khắc chữ triện và chạm trở một hòn đá sù si cho thành một con thạch ấn, đề dáng

ngón tay chỏ vào một chậu mực vẽ một bộ tứ bình thủy mặc : có hình đủ bốn thứ cây cỏ tứ hữu : cúc, trúc, lan, mai, treo chơi trên vách đá quán trọ nơi ngôi dạy học.

« Gần ngày tết nhất, người trưởng tràng lúc thu xong sớ dâng môn, chỉ khờ lên vì đi tìm thầy. Tết mừng ba, ông Cử Hai đã trốn lỏ ở nhà trọ từ hôm trước để đi ăn hàn thực và đi hội đập thanh với các bạn sinh làm thơ tức cảnh. Tết Đoan Ngũ, ông lên núi hái lá thuốc, những mong được như hai người Lưu Nguyễn ngày xưa gặp tiên. Tết Trung Thu ông lên Chùa Tuây ngắm trăng Cự Trờ liệp trên đỉnh núi Sài Sơn Gần tết Nguyên Đán, nếu chưa về nhà thì ông ăn ở trong một mái đình vắng nào để gọt cho hết một lạp thủy tiên. Cái hành tung của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hứa theo với người chung quanh ấy, thực khó mà dò hỏi lòng tin cái dấu bàn chân một chính khách thất quốc lúc vượt bể ra ngoài mưu việc lớn, thực còn dễ hơn đi đuổi theo ông Cử Hai những lúc cái hừng giang hồ ở người ông nời dạy (2). »

Ông Cử Hai có lẽ mắc phải cái bệnh giang hồ, mà Trương Tửu bảo Nguyễn Tuân mắc phải.

Còn cụ Thượng Nam ninh, cha ông Cử Hai trong truyện, lại là một vị quan già cây tiết thảo, mà:
*Khi lang miếu đã dành công
danh ấy,
Lúc yên hà khước thị xuất*

nhân gian (3).

Khi còn làm quan tại triều, cụ đã cố công dành như thế. Lúc lui về ẩn dật, cụ cũng còn hơn người về cái tiết. Cụ bao giờ cũng « nhìn xem phủ quí tựa chiêm bao (4) ». Bởi nên, khi ông huyện Thọ xương, con cả cụ, thấy cụ ở với ông Cử Hai có chỗ thiếu thốn về vật chất, liền mời cụ về huyện nhà ở, liền được cụ bảo:

« — Tôi ở đâu thì cũng thế. Mến là được lĩnh mạc, yên ổn là hơn cả. Anh cũng rõ cái tính tôi vốn sợ cái bọn lính hầu cận và lại hay tránh sự giao thiệp. Tôi tưởng vào ở tư thất một huyện nhà nó phiền nhiễu lắm. Thôi anh cứ để tôi ở ngoài này (5). »

2.) « Chén trà trong sương sớm » và « Những chén ấm đất » là hai truyện tả cái đặc thù của quan niệm uống trà ngấm thơ của cổ nhân:

« ... Cái tiếu uống trà lâu không có thể ồn ào được. Lời giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyền ảo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thanh khí (6). »

« ... Ngấm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của

một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngấm như thế là đủ tiết ra biết những cái nặng nề trong thân thể và đề đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất (7). »

3. « Hương cuội » tả bày quan niệm chơi hoa, uống rượu của cổ nhân:

« ... Có một vườn hoa là một việc dễ dàng; nhưng đủ thời giờ mà săn sóc đến hoa mới là việc khó. Cụ muốn nói rằng người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành, chí tình ra mà đối đãi với cả đến cái đẹp không bao giờ lên tiếng nói. Như thế mới phải đạo, đạo của người tài tử. Chữ còn cứ gây được lên một khoảnh vườn, khuôn hoa cỏ ở các nơi về mà trồng, phổ mặc chúng ở giữa trời, đây chúng ra mưa nắng với thờ ơ, chúng rồi bông khôn đến, chúng tàn lá cũng khô, thì chơi hoa làm gì thêm tội với Chúa Xiển (8). »

« Ông Ấm Hai vui chuyện, hỏi bố già:

« — Nay bố già, tôi tưởng uống rượu nhấm với đá cuội làm khéo mạch nha thì có thú vị gì. Chì thêm xót ruột.

« — Chết, cậu đừng nói như thế, cụ nghe thấy cụ mắng chết. Cậu không nên nói tới chữ xót ruột. Chính cụ là cô giăng cho tôi nghe rằng những rụ sành uống rượu, trước khi vào bàn rượu không ăn uống gì cả. Các cụ thường uống vào lúc thanh tâm. Và trong lúc vui chén, tình không dè, g những cổ nhấm mận như bọt cá đầu (9). »

4. « Thả thơ » và « Đánh thơ » là hai truyện vẽ lối đánh bạc tao nhã của cổ nhân.

5. « Ngồi mã cưỡi » vẽ lối đánh cờ không bàn không quản của cổ nhân.

6. « Chửi người tử tù » ca ngợi lối chơi chữ của người xưa coi chữ là một hữu vật vô giá.

Tập Vang bóng một thời ngoài ra còn đựng ba truyện nữa: « Bữa rượu đầu lâu », « Trên đỉnh non Tân » và « Ném bút chì », mà chúng tôi xin miễn nói tới; vì nó không cùng một lãnh vực với sáu truyện đã phê bình qua.

II

Văn Tự-Lực vẫn dằn mình mại dục dằng.

Văn Trương Tửu, Lê văn Trương mạnh mẽ, đột khởi.

Văn Nguyễn Tuấn thì dẽ dóm như một cô gái làm nũng, có khi lại « đồng-đánh » như một người đàn bà khó chiều.

Trong hai thuộc-tảub ấy, Văn Nguyễn Tuấn mạnh bạo đi đến nhiều tiểu xảo văn thuật có khi cũng ý nhị, mà lắm lúc cũng quá ngớ ngẩn (10).

(Sự quá quắc bao giờ cũng cùng nhấm những viên đá tảng đánh vỡ lò trán /)

(Xem tiếp trang 15)

(1) Vang bóng một thời, trang 181-182

(2) Ibid, trang 183-184

(3) Hai câu thơ của Nguyễn Công Trứ.

(4) Một câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm.

(5) Vang bóng một thời: trang 179

(6) Ibid: — trang 170.

(7) Ibid, trang 171.

(8) Vang bóng một thời: — trang 126-127

(9) Ibid, trang 131

(10) Bạn đọc có thể tìm thấy một ví dụ về cái ngớ ngẩn của văn Nguyễn Tuấn ở bài phê bình của « Tự bút » ở bài phê bình này, xin miễn nói đến cho khỏi rườm rà.

XXVI. - Tăng Cồn và họ Khúc.

Các quan Tàu sang cai-trị nước ta đến truyện Tăng-Cồn này có lẽ là cuối cùng. Hồi đến Khúc-thừa-Dụ, tự xưng tiết-độ-sứ, tuy còn theo mệnh-lệnh nhà Đường, nhưng người ta cai-trị dân ta, ba đời nối nhau giữ nước đến hơn 50 năm, cho nên sử chép là Khúc tiên chúa, trung-chúa, hậu-chúa, tức là mở nền đế-vương cho họ Ngô họ Đinh sau này.

Trước hết hãy chép truyện Tăng-Cồn, — Nguyễn làm tiêu-biểu cho Cao-Biên, giữ việc quan. Trong đời Kiên-phủ (874-879) thấy Cao-Tâm làm tiết-độ-sứ (có lẽ nối chức vào năm 878) đến năm 880 (thứ 1 hiệu Quảng-Minh) quân phủ đồ-hộ khởi loạn, thuộc-hạ xin Cồn ra thành để tránh giặc. Cồn không nghe cứ ung-dung hiểu-du, uy-đức, bọn giặc tự nhiên thôi dấy trước Cồn xin hàng phục. Cồn đều tha không bắt tội. Từ bấy giờ các đạo đóng đồn ở châu Ung đều theo về với Cồn, Cồn nhận cả. Làm việc quan có tiếng, người trong châu gọi là Tăng-thượng-thư. Cồn có soạn bộ *Giao châu ký* lưu hành đời bấy giờ, ở châu 11 năm (Khâm-dịnh Việt-sử tiền-biên, q. 5, tờ 43, a - 13 b).

Nước Nam ta thuộc với Tàu lần thứ 5, về cuối đời Đường, đã xảy cái nạn tự-trị tức là, huyện bà đời họ Khúc, tuy chưa xưng đế xưng vương, nhưng cũng đã biết chia trông nước làm từng lộ từng phủ, đặt chức lệnh-trưởng, và làm sổ hộ-tộc, biên tên làng, quán, quỉ-mô-thật là đáng làm gương cho đời sau. Từ bấy giờ đổ đi, ho đến đời Đinh nhất thống nước

Đại-Cổ-Việt, hơn 60 năm ấy (906 967), dân Nam đã thoát khỏi vòng lao-lung của người Tàu.

Khâm-dịnh Việt-sử (tiền biên, q. 5, tờ 14 a 14 b) chép rằng « Họ Khúc: quê ở châu Hồng (nay là phủ Bình-giang và Ninh-giang thuộc tỉnh Hải-dương), đời đời là họ lớn vùng ấy. Thừa-Dụ là người khoan-hòa, yêu người, được chúng suy-tôn. Nhân lúc loạn Thừa-Dụ là, thổ-hào tự xưng tiết-độ-sứ, rồi sai người xin mệnh-lệnh với nhà Đường. Năm thứ 3 hiệu Thiên-hựu (906) đời Đường Chiêu-tuyên, mùa xuân tháng giêng, vua Đường nhân tháng Tĩnh-hải tiết-độ-sứ là Khúc-thừa-Dụ chức Đồng - bình-chương-sự.

Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh, q. 1 tờ 14 b và *Đại-việt sử-ký*, q. 6 tờ 23 a đều chép rằng: Lúc ấy châu Giao loạn, tiết-độ-sứ nhà Đường là Tăng Cồn bỏ thành về Tàu, vì thế Thừa-Dụ do châu thổ-hào, tự xưng tiết-độ. Cồn *Toàn-thư* và *An-nam chí-nguyên* đều không chép chuyện Thừa-Dụ.)

Sang năm sau (907) Thừa-Dụ mất sử chép là « Khúc tiên-chúa. Con là Khúc-Hiệu nối ngôi. Ấy là Khúc trung-chúa. Khúc-Hiệu nhờ được nghiệp đời trước, mới giữ La-thành, xưng tiết-độ-sứ, định trong nước làm từng xứ, lộ, phủ, châu, và xã, đặt chánh lệnh, trưởng, và tá, lệnh-trưởng, chia đều thuế ruộng, làm nhẹ việc quan, lập sổ hộ-tộc biên họ tên làng, quán, người, giáp, trưởng trông nom. Chính sách khoan-nhân mà giản-dị,

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 32

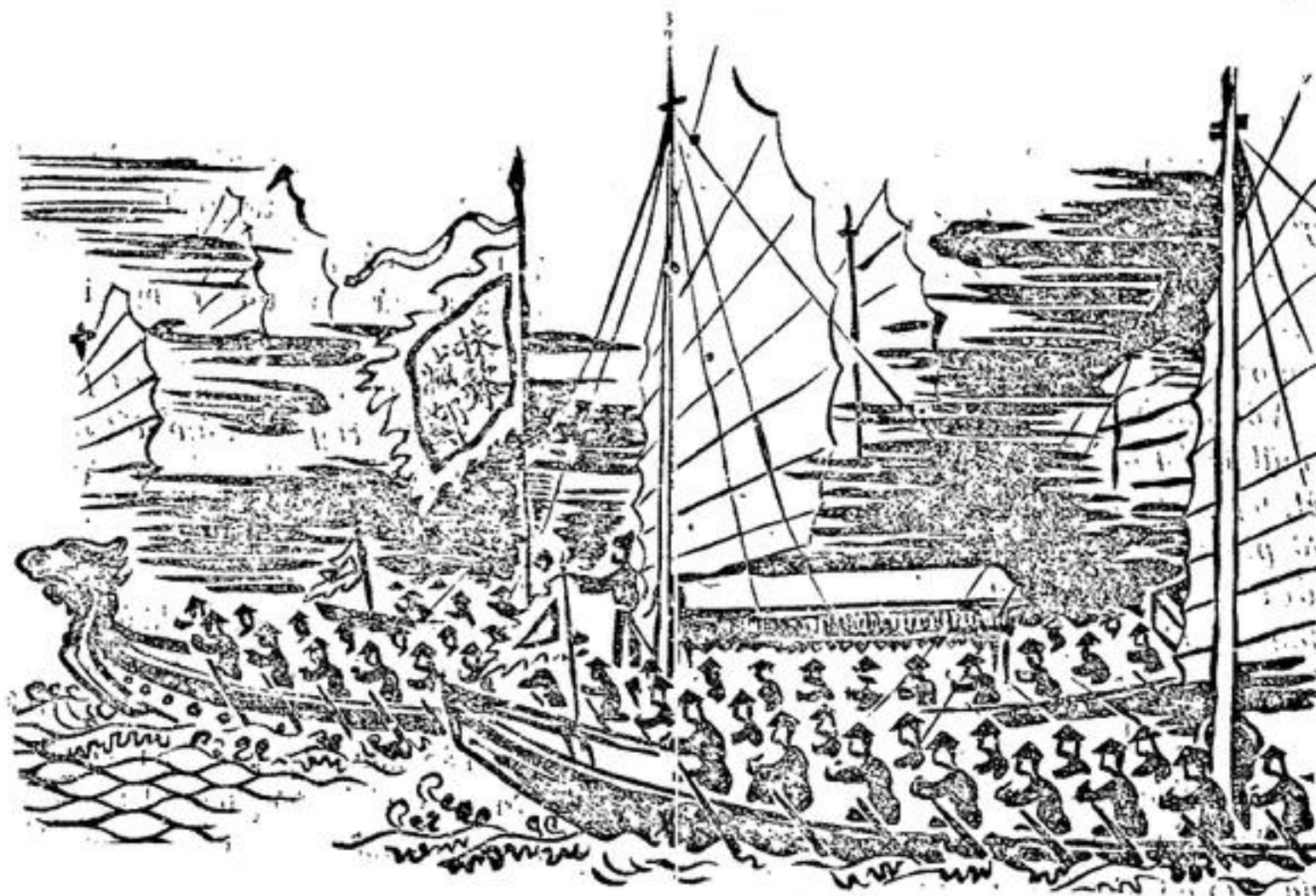
dân được nhờ ơn có sức nghỉ ngơi mà « sống lại ». *Khâm-dịnh Việt-sử tiền-biên*, q. 5, tờ 15 a và *Ngự-chế Việt-sử tổng-vịnh*, q. 1 tờ 14 b).

Các quyển Việt-sử đều chép rằng: Năm ấy (907) nhà Đường bên Tàu đã mất, nhà Lương cho chức Quảng-châu tiết-độ-sứ là Lưu-An kiêm chức Tĩnh-hải-quản tiết-độ-sứ (An-nam) phong làm

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Nam-bình-vương, Lưu-An giữ Phiên-ngung (nay thuộc phủ Quảng-châu tỉnh Quảng-đông). Khúc-Hiệu giữ Châu Giao, xưng là tiết-độ-sứ, có chí mưu-tính nhau ».

An-nam chí-nguyên (q. 3, tr. 180) và *An-nam ký-yếu* (*Khâm-dịnh dẫn*) thì chép rằng: Khúc-Hiệu là người Giao-chi, cuối đời Đường thay Địch-cô-Tồn làm tiết-độ-sứ, đổi các huyện, làng làm



Các bạn muốn biết bức họa này là bức họa nào, xin mua cho được cuốn :

QUANG TRUNG

của HOA BANG
Giá 5 \$ 00

Có bán ở khắp hiệu sách ở Đông Dương

giáp, đặt quân giáp và phó-tri giáp để thu thuế, ở chức quan được 4 năm, thì mất, con là Thừa-Mỹ nối chức ».

Xét kỹ ra, thì *An-nam chí-nguyên* và *ký-yếu* chép không đúng, chính là Thừa-Hiệu nối nghiệp của cha là Thừa-Dụ, chứ không phải thay Địch-cô-Tồn. chính *Việt-kieu thư* và *Tư-trị thông-giám* q. 265, tờ 11 a cũng chép rằng: « Năm thứ 3 hiệu Thiên-hựu (906) vua Đường tháng Tĩnh-hải tiết-độ-sứ là Khúc-thừa-Dụ chức Đồng-bình-chương-sự. Lúc ấy Thừa-Dụ nhân loạn, giữ cõi đất An-nam, » cứ như thế, là năm 906, nước ta

đã về tay Thừa-Dụ rồi, còn đâu đến năm 907, mà Khúc-Hiệu thay Địch-cô-Tồn, đến chỗ chép Hiệu ở làm quan 4 năm cũng sai nốt, vì năm 907 Khúc-Hiệu đã làm tiết-độ-sứ rồi, mà đến năm 917 Thừa-Hiệu hãy còn sai con là Thừa-Mỹ sang Nam-Hán, sao lại gọi là 4 năm?

Đại Việt sử-ký tiền-biên, (q. 7, tờ 1 a) chép rằng: « Năm tân-mùi, (911) Lương Thái - tổ tên phong cho Lưu-An làm Nam-hải-vương, năm ấy Lưu-An mất, em là Lưu-Nghiêm nối chức (nguyên trước tên là Lưu-Nham, nhân đêm rồng trắng, đổi tên là Cung, sau cho là chữ cung không tốt, lại đổi là Nghiêm, chữ Nghiêm này long trên thiên dưới, lấy nghĩa rộng bay trên giới).

— Năm đinh-sử (917) Nam-hải-vương Lưu-Nghiêm lên ngôi hoàng-đế đặt tên nước là Đại-Việt, đổi niên-hiệu là Hiến-hạnh, liền đổi tên nước là Hán, tức Nam-Hán.

Toàn-thư, (q. 5, tờ 17 b) lại chép rằng: « Năm tân-mùi (911) Nam-bình-vương nhà Lương là Lưu-An mất, em là Nham nối chức. Năm đinh-sử (917) chức Quảng-châu tri-lưu-hậu nhà Lương là Lưu-Nham được nước gọi tên là Hán, »

Tư-trị thông-giám, (q. 268, tờ 1 a) chép rằng: năm thứ 1 hiệu Hiến-hạnh (911), tháng 3, ngày ất-dậu Thuận-hải, Tĩnh-hải tiết-độ-sứ kiêm Trung-thư-lệnh Nam-bình-Tương-vương là Lưu-An bệnh nặng, dâng biểu xin cho em là tiết-độ-phó-sứ, quyền tri-lưu-hậu, ngày định-hội mất, em là Nham nối ngôi. Đến q. 270 tờ 1 b lại chép rằng: « Năm thứ 3 hiệu Trinh-minh (917) tháng 8, ngày quý-tý, chức thanh-hải Kiến-Vũ tiết-độ-sứ là Lưu-Nham lên ngôi hoàng-đế ở Phiên-ngung, gọi nước là Đại-Việt, đặt niên hiệu là Kiến-hạnh lấy Quảng-châu làm phủ Đông-vương... » — Năm 918, mùa đông, tháng 11 viết chúa Lưu-Nham đặt tên nước gọi là Hán. (*Tư-trị thông-giám*, q. 270, tờ 11 a)

Trong năm đinh-sử (917) Khúc-Hiệu sai con là Thừa-Mỹ sang nhà Hán để kết tình giao-hữu, liêng là tổ tình họ-nhân, thực là để dèm-xem hư-thực (*Khâm-dịnh Việt-sử tiền-biên*, q. 5, tờ 15 b, *Đại-việt sử-ký*, q. 7, tờ 2 b và *Toàn-thư*, q. 5, tờ 17 b). Cứ thế này, Khúc-thừa-Dụ, con là Thừa-Mỹ nối nghiệp. Con em Thừa-Mỹ ký: năm 919 (Đại Việt sử-ký) sang sang xấp xỉ biên Việt ở nhà Đường, vua Lương nhân cho hộ độ-hộ 12 châu ở nước Nam, *Khâm-dịnh Việt-sử tiền-biên*, q. 5, tờ 16 a, *Đại-việt sử-ký*, q. 7, tờ 1 b và *Toàn-thư*, q. 5, tờ 17 b). Hán-chúa là Lưu-Nham nghe tiếng Thừa-Mỹ hiến Việt-vic của nhà Lương, liền làm nước là Hán, tức Nam-Hán. (Xem tiếp trang 16)

NAM DÂN BÁT CHÂU THI THẢO

Tác giả TÙNG-VĂN đạo-nhân

LXIV

Phú đặc « Lân thâu gió mát trăng
thanh »

(Phê Kiều 29)

Số hoa đào, chém cha duyên buộc gỡ;
Cảnh song-thanh, cũng lân-lừa cho ngơoi.
Sắc đề mắt, thanh đề tai,
Đã nay cơn Thuấn, lại mai bóng Hằng.
Quạt dương liễu tưởng chường trên mặt phầy;
Gương ngó đồng, thấu tận đáy lòng soi.
Chủ nhân phong nguyệt là ai?
Giơm đầu, tội khách, lạng chơi biên đình.

Chú-thích

Song thanh = « phòng nguyệt song thanh », nói
đôi cảnh đều thanh.

Sắc đề mắt, thanh đề tai = Thanh nghĩa là
tiếng; sắc nói nguyệt, thanh nói phong. Tô-vân:
» Nĩ đặc vi thanh, mục nguyệt thanh sắc ».

Cơn Thuấn = Bắc-sử: « vua Thuấn ca Nam-
phong thi ».

Dương-liễu, ngó-dồng = Tống Thiệu tử thi:
« Ngó đồng nguyệt hướng hoài trung chiếu. Dương-
liễu phong lai diện thượng suy ».

LXV

Họ Từ tên Hải, thơ.

(Phê Kiều 30)

Người hiền Thùg kẻ họ Kim, tên Trọng;
Khách lâu hồng khoe tên họ chi-chi.
Khuôn đội-đạp, sức nam nhi;
Hờ so với Hiến, Sở bì đầu Khanh.
Dòng lương Đạt vốn lung-hoành Ngó, Sở;
Thú nhà Long quen vùng-vẫy giang-hồ.
Tân-thanh tươi-tắn vai trò;
Tràng-an quen họ, Khang-cử thuộc tên.

Chú-thích

Dòng lương Đạt = Đời Minh Thái-tổ có đại-
tướng là Từ-Dạt, trừ danh vô địch.

Thú nhà Long = Cổ tục kêu đáy bể là Long-
cung, thần bể là Long-vương.

Tân-thanh = Khúc « Đoạn tràng tân thanh »
tức là tập Kim Vân Kiều.

Tràng an = Nói chốn đó-hội. Khang cử =
Nói chỗ dân-gian.

LXVI

Phú đặc « Anh-hùng mới biết anh-hung ».
(Phê Kiều 31)

Anh-hùng thật, anh-hùng rơm lằm vể
Chẳng anh-hùng sao biết kẻ anh-hung.
Người hương phả, khách noai sông;
Xét tình con mắt, gửi chung can-trường
Khúc-khích chuyện bá vương duyên oá nước;
Nhớ quên ngày : anh, ở bước trần-ai?
Dàn tay về chốn trướng mai,
Vinh-hoa tỏ mặt cả đôi anh hùng.

Chú-thích

Anh, ở = Tiếng vợ chồng có khi xưng hô
nhau. Ngạn-ngôn : « Tại anh, tại ở : tại cả đôi bên ».

LXVII

Vịnh một giai-đoạn : « Oán trả oán,
ân trả ân »

(Phê Kiều 32)

Đường ân oán, mong trả sao cho sạch;
Khí lâm-chi, khí Vô-lich, biết bao.
Trong quán tỏ mặt Thủy Kiều;
Thà cho bỏ ghét, nghĩa nào dám quên.
Thán to liễu, đôi phen thương lạc bước;
Ngọn cờ đào, dưới bóng mặc ra tay.
Chị Hoạn oán đấy, ân đây,
Thử xem chuyển này, em trả làm sao?

LXVIII

Lẽ nhiều nói ngọt, thơ.

(Phê Kiều 33)

Muốn bề Sở, sông Ngó bỏ vào trong túi;
Lẽ cho dào mà nời lại cho thân.
Lưỡi ba tấc, vàng nghìn cân,
Bên phần tối mắt, bên phần bụi tai.
Mua lấy khách cân đai có quả;
Siêu được lòng non nước cổ hoa.
Khe-khắt thay, nời người ta!
Lời rằng : « mặt ngọt » cũng là lời chung.

TÙNG-VĂN

Vang bóng một thời (Tiếp theo trang 11)

Tiểu xảo văn thuật của Nguyễn Tuân luôn luôn như dụng đến các phép ẩn-dụ (métaphore), hình-tượng (imagination), nhân cách-hóa (personnification).

1. « Trên con đường đất cát khô, nổi nước trông thành theo bước chân mau của tên lão bộc đánh rổ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và đầm màu »

Những hình ngôi sao ướt đây là nước trong thùng trào ra ngoài, rơi tung tóe xuống mặt đất.

2. « Họ đều đem nhơn tuyến ra mà chung viết với nhau một tập ký ức cảm về hơn một tháng trùng tu ngôi đền thượng »

Người ta viết bằng tay, chứ có ai viết bằng mắt, bằng cái nhìn, bằng nhơn tuyến bao giờ ! Thế mà câu này của Nguyễn Tuân lại bảo một cách hoan-ngộ : « đem nhơn tuyến ra mà chung viết với nhau một tập ký ức cảm... »

3. « Bến Gòn im vắng đến nỗi giòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tôm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuấy sừng bị vẩn quệu. »

« Tiếng đồng-vọng cứ rúc hết canh vắng vào vách đá, rồi vọt lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu. »

Hai câu này chứa đựng được nhiều mầm hoạt động, bởi những tiếng động từ (verbes), hình hóa động từ (participes passés), viết chữ nghiêng.

4. Ngoài ra vẫn còn những động từ, hình hóa động từ của Nguyễn Tuân, đáng đề ý !

a) « Gió bắc thổi qua những kẻ cánh cửa bức-bản đã gửi (động từ) vào nơi yên lặng này mười tám tiếng gà không nhả nhạc (tính hóa động từ) được với tối tăm. »

b) « Thỉnh thoảng, từ hồn than tự tiêu diệt (tính hóa động từ), buột ra (động từ khách thể : verbe actif) một tiếng khò rất khò và rất gọn. »

c) « Ngày tháng cứ thế mà vợi (động từ khách thể) dần trên lũy tre xanh già làng Trảng Thôn »

d) « Có những đêm mưa to giở lờn làm nhoe (động từ khách thể) những tiếng trống phủ cặm canh. »

5. Ở hai câu sau này, phép hình-tượng được đặc dụng :

a) « Hai con thuyền trôi đi êm như trườn xuống giốc một ngọn thác mà lòng thác đều lột dày một lớp rêu lơ lửng. »

6) « Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái củi cỏ bông ải rừ, phả mạnh vào mũi thuyền trôi ruyền như cỏn sâu mũi

vào cái dòng đặc của mũi sơn lam. »

6) Ở câu này, tác giả áp dụng phép ẩn-dụ :

« Thỉnh thoảng, từ hồn than tự tiêu diệt buột ra một tiếng khò rất khò và rất gọn. Ta sẽ rồi, hồn than sống hết một đời khoáng chất. »

7) Ở câu này, tác giả dụng đến lối nhân-cách-hóa.

« ... từ ruột ấm đồng bị nung nấu đã lâu, cả tiếng thở dài của khối nước sắp bến bờ. »

KIỀU THANH QUẾ

Cải chính

— T. T. 143 trang 12 đầu đề bài của ông Phiên Thử xin đọc là :

Một kiến giải về vấn đề thống nhất tiếng Việt (xếp nhầm là nhất thống).

— T. T. 144 (1er juil. 44) trong bài thơ « Từ cung » của Bà Văn Đài câu cuối xin đọc là :

« Đều gọi là ai đến cửu trùng » (chữ không phải « đều gọi » như đã in nhầm.)

Xin lỗi các tác giả và các độc giả. T.T.

Các bạn muốn biết thân thế và sự nghiệp
Lê quý Đôn một ngôi sao chói lọi trong văn học,
một sử-gia danh tiếng đời Lê, hãy đón coi :

ÔNG BẢNG LÊ QUÍ ĐÔN

của TIỀN-ĐÀM

Sách in đẹp, sẽ ra cuối tháng Juin.

Vì giấy khan nên số sách in còn hạn, các bạn đọc, các ngài đại lý xin viết thư về đặt trước. Ở xa xin chịu tiền cước 0\$30 một cuốn.

Ngân phiếu, thư từ xin đều cho :

TRỊNH-NHƯ-LUÂN
121, Chancécaulme — Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT-SƯ

(Tiếp theo trang 13)

Đến năm quý-trúi (923) Lưu-Nhâm sai Kiền-tướng là Lý-khắc-Chính đem quân đánh Giao-châu, bắt được Thừa-mỹ đem về, cho tướng là Lý-Tiến thay Lý-khắc-Chính giữ châu. Lúc ấy có Dương-dien-Nghe, người châu Ái là cựu-tướng của Khúc-Hiệu hợp quân cùng đánh đuổi Khắc-Chính. Khắc-Chính bị thua, chạy về nhà Hán, Hán-clúa ý muốn chiêu dụ, giả cách cho Diên-nghe tước-vị, cho Lý-Tiến làm thứ sử châu Giao, cùng Khắc-Chính giữ thành ấy, bảo các quan tâu tâu rằng: « Dân Giao-chỉ hay làm loạn, chỉ có thể dằn-buộc mà thôi » Khâm-định, Tiền-biên, q. 5, tờ 16 a 16 b, Đại-việt sử-ký q. 7, tờ 1 b, và Toàn thư, q. 5, tờ 18 a).

Đại-việt sử-ký (q. 7, tờ 1 b và 2 a) lại chép rằng: « Khi Nam-Hán bắt Thừa-mỹ về Nam-hải, Hán-clúa là Lưu-Nghiêm lên lầu Nghi-phượng niêu lễ dân người bắt sống bảo Thừa-mỹ rằng: « Ông thường cho tôi là Ngụy-dinh, nay lại chịu chời đến trước mặt Ngụy-dinh, là tại sao? ». Thừa-mỹ cúi đầu thú phục bèn được tha ».

Kể theo năm ô sử chép, thì họ Khúc 3 đời được 17 năm (từ năm 906 vua Đường thăng Thừa-Dụ chức đồng bình-chương sự, đến năm 923 Thừa-mỹ bị bắt) mà Đại-việt sử-ký tiền biên (q. 7, tờ 2 a) lại chép rằng: Họ Khúc 3 đời, từ năm Canh-tý (880) đến năm Canh-dần (930) cộng 51 năm. Xét kỹ ra thì Đại-việt sử-ký tiền biên chép cũng có lý, vì năm Canh-tý (880) Hoàng-việt Giáp tý (q. thượng tr. 302) có chép rằng: « Nam-châu làm phủ đô-hộ, tiết-độ sứ nhà Đường là Táng-Gon chạy

về châu Ung, thổ-hàn là Khúc-thừa-Dụ vào giữ phủ thành, xưng tiết-độ-sứ ». lại xem các sử ta sử tàu đều chép năm 906 vua Đường thăng Thừa-Dụ chức đồng-Bình-Chương, thì chính là năm 906 mới được phong, mà đã tự làm việc từ năm 906, nếu không thì từ năm 880 đến năm 906, ai cai-ri dân Nam trong 26 năm ấy? Còn đến năm 923 tuy Thừa-mỹ bị bắt, sau lại được tha, mà sách chép đến năm 930 Dương-diên-Nghe mới xưng tiết-độ-sứ, có lẽ dân còn theo Thừa-mỹ mãi đến năm ấy (930) cho nên dân gọi Thừa-Dụ là tiên-clủ, Thừa-Hiệu là trung chủ, Thừa-mỹ là hậu chủ. Vậy thì kết luận họ Khúc được trường trị 51 năm là phải. (còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

Những ông nghề, . .

(Tiếp theo trang 8)

6. — Hạ-ngọc-Trúc, người làng An-duyet, huyện Chương-dữ, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn-nam. Năm 24 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Ứng-chế hợp cách. Làm quan đến Hàn-lâm hiệu-lý (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 a). Đặng khoa bị khảo (q. Sơn-nam, tờ 48 b) chép rằng: « Người mẹ mộng thấy Hỏa-tinh. . . , sinh ra ở dưới trái nhà, nên lấy họ Hạ (nghĩa đen chữ hạ là trái nhà), đặt tên là Ngọc-Trúc, nghĩa đen là đước ngọc, ám chỉ Hỏa-tinh. Mặt mũi đen cháy, tính thông-mẫn, đọc sách một lượt nhớ ngay: lúc nhỏ có tiếng thần-dồng ».

7. — Nguyễn-Ngân, người làng An-khoai huyện Phú-xuyên (theo bia Văn-miếu và Đặng khoa bị khảo; còn Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 a, chép là huyện Phú-vân), phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Làm quan đến đô-ngự-sứ (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 30 b).

8. — Nguyễn-Vinh-Kiến, người làng An-ninh, huyện Cẩm-giăng, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-duong. Năm 31 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến giám-sát ngự-sứ. Là tằng-tổ Nguyễn-Hồng, đỗ nhị giáp khoa 1556 (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 30 b; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 b, chép đỗ năm 30).

9. — Đặng-Tuyên, người làng Lạc-dục (theo bia Văn-miếu, còn hai quyển Đặng khoa chép là làng La-xá), huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-duong. Đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 b; Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 44 a).

10. — Nguyễn-bá-Tùng (hoặc Tông), người làng Tạ-xá, huyện Tứ-kỳ, tỉnh Hải-duong. Đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến Quốc-sử-giám tư-nghiệp (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 44 a; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 b).

11. — Nguyễn-Độc, người làng Thổ-giá, huyện Nông-cống, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Năm 24 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1502. Sau theo Mạc, làm quan đến Lễ-bộ tả-thị-Lang, kiêm Sử-quán và tột các Thọ 73 tuổi, tặng Lễ-bộ thượng-thư (Đặng khoa bị khảo, q. Thanh-hóa, tờ 39 b; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 b, chép là Lại-bộ tả-thị-lang, tặng Lễ-bộ thượng-thư).

21. — Vũ-bá-Dung, người làng Hương-giản (Thanh-giản), huyện Đường-ân, phủ Thượng-hồng, tỉnh Hải-duong. Đỗ nhị giáp khoa 1502. Làm quan đến Hàn-lâm Có chép tập Tứ-lục bị lãm (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-duong, tờ 14a-b; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 51 b). (Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

Độc truyện « Lã Gia »

(Tiếp theo trang 3)

«... Lã-Gia cầm quyền một nước năm giữ việc binh, từ trong đến ngoài cung-phủ, dầu chẳng thuộc quan Chung-tề thống-trị. Giả-sử Gia có một kẻ sáng, canh phòng cẩn mật, xét-lét gắt-gao : những lời ở sứ quán không được lọt vào cung, những hạng dẳng tằn không được vượt ra khỏi cửa, rồi hậu lễ đề tiếp sứ-giả, nhún lời đề đáp vua Hán, bề ngoài tỏ lòng kính thờ nước lớn, bề trong làm vững công-cuộc phòng-bị đề chống việc chinh-phạt của nhà Hán, khiến họ biết trong nước có người thì dù họ có muốn ngốn nuốt đi nữa, tự khắc cũng phải dè dặt toan-tính. Mà từ đó mỗi binh-tranh cũng đến phải ngừng.

« Vậy mà Lã-Gia để cho Cù-hậu và Thiệu-Quý (sứ nhà Hán) gặp nhau, bêu chuyệu dâm-ô ra khắp trong nước, cùng nhau làm thành cái mưu phụ-thuộc vào nhà Hán. Lại trùng-trình ngày tháng, biểu qua thư lại, đợi đến khi họ đã sửa-s soạn hành-trang, mới có thư can ngăn, tiệc rượu không lành, mới tính đến việc nổi loạn ! Kịp lúc quân Hán đã kéo vào cõi, không còn biết xoay mưu chước ra sao, bèn thú vạ, giết hậu đề đi gấp đến bước diệt-vong ! Dầu lại có hạng người lo nước như vậy mà mong làm nên công-chuyện được ?

« Vậy thấy cái cường của Cù-hậu và cái ngu của Lã-Gia mà biết cuộc bại vong của họ Triệu đã gây nên xây móng ngay từ lúc Anh-Tề lấy vợ và phong tướng kia rồi. »

Nhưng đến một chỗ khác, sử thần Ngô Tbi-Sĩ dường nói tay đối

với Lã Gia và thề lượng cho cái khổ tiết của khách cô trung ấy :

« Lã Gia là thế-thần họ Triệu, đương lúc chúa 'thơ-ấu, nước nguy-nguy, đối với nước lớn không biết lấy lễ đề thờ, toan-tính cái chước giữ nước mình cho sinh tồn thì phương-lược lại làm lơ, ở trong gây nên cái mưu của Cù-hậu, ở ngoài chọc giận vua Hán, rồi không lượng sức, tự làm cho chóng bại vong ! Phận-ngung không giữ được, rồi thế như đất lở không sao cứu nổi, đến nỗi mất hết cả phần đất nước cũ của vua An-dương trước, khiến cho cái khu vực mà Hòa Trọng đã đóng ấy cũng phải thuộc về người Tàu từ Hán đến Đường hàng 5, 6 trăm năm !

« Truy nguyên đến cái vạ ban đầu thì Lã Gia không tranh khỏi tội vậy.

« Nhưng, đồ đều là những việc « đã rồi ». Gia riêng không lấy ấn tín nhà Hán làm vinh, giữ vững cái thuyết cho nội-phụ là không tiện : không thể bảo là không trí.

« Giết Thiệu-Quý, diệt Thiên-Thu, gói trả sứ-tiết nhà Hán, dân quân giữ những nơi hiểm-yếu, rửa sạch cái tức-giận cho Tiên-quân ở nơi suối vàng ; không thể bảo là không dũng.

« Bỏ một vua này, lại lập một vua khác, chỉ biết có con cháu Võ-dế, xă tặc họ Triệu, liều sống chết để giữ lấy, chứ không rời nghĩ đến chuyện khác : không thể bảo là không trung.

« Quân-tử bàn người nên lấy từng đốt một. Đến như việc bỏ hiểm-yếu và làm mất nước, đành rằng Gia vẫn được tội với nhà

Triệu. Nhưng từ nhà Triệu đến nay (triều Lê, đời Ngô Tbi-Sĩ), chưa bao giờ có thề thu trọn được cả đất Ngũ-linh, nên chẳng tận mặt đề tranh với Trung-nguyên thì là chuyện còn phải đợi đến những tay thánh, hiền, hào kiệt ở sau này, cũng không đủ cho đó là tội của Lã Gia được. »

(Trích dịch theo nguyên văn chữ Hán trong Đại Việt sử ký. Ngoại thuộc Triệu kỷ, (sách in của trường Bắc-cổ, số A.2) quyển 2, tờ 16a — 21a).

Những lời phê-bình của các sử-thần trên đây, chỗ nào là được, chỗ nào là hỏng, chỗ nào là phải lẽ, chỗ nào là quá đáng, quyền phán đoán ấy, chúng tôi xin nhường các bạn đọc truyện Lã-Gia.

HOA BẢNG

Đã có bán :

NHÀ BÊN KIA

của Đỗ Đức Thu giá 0\$65
Thần-thế và văn-chương
TÚ MÔ

do Lê-Thanh viết giá 0\$60

EM LÀ GÁI BÊN

SONG CỬA

của Lưu Trọng-Lư giá 1\$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trịnh-Nhất giá 2\$00

Khảo-cứu về

TIẾNG VIỆT NAM

của Trà-Ngân giá 2\$50

BƯỚC ĐƯỜNG MỚI

của Dương-Ngà giá 3\$00

KIM TỰ THÁP

của Phan-Quang-Định giá 2\$

NỬA ĐÊM

của Nam Cao giá 2\$00

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

N° 9 Rue Takou — Hanoi

Khái luận và phê bình thi ca cũ

HÙNG TRÁNG CA VIỆT - NAM

và HÙNG TRÁNG CA ÂU TÂY

Tráng-khi của thi-ca Nam-việt — Diên-tích của Đông-Á là thần-thoại của La-hy — Hùng-tráng-ca Việt-nam gần lịch-sử và xa chuyện thần-kỳ, — Hùng-tráng-ca Việt-nam là tâm huyết của ông cha để lại cho con cháu.

của HOÀNG-THIỆU-SƠN

Bài thơ đầu tiên của dân-tộc Việt-nam làm bằng Việt-ngữ đã có mãnh-lực phi-thường đuổi được một con « *ngạc ngư* » về nơi « *bể đông rộng rãi* ». (1) Những lịch, những thơ cảm khái đã có hùng-khí vô-song làm cho người nước này thắng được bao địch-quốc cường bạo như Boileau đã nói, mỗi lần thi nhân Nam-việt đặt mồm vào cái « *loa hùng tráng* » (2) là một lần họ bay lên đến thượng tầng « *cao cả thiêng-liêng* » (3).

Các nhà-phê-bình Âu-châu hay trách thơ ca Viễn-Đông nghèo nàn thi-từ, thi nhân Viễn-Đông nghèo nàn tưởng tượng.

Chúng ta không nên cãi chối đối với những sự thật hiển nhiên. Rừng thơ nước ta thật không có một bản trường-ca hai mươi bốn thiên mệnh-mông không bến không bờ (4). Đọc thơ ca Nam-việt, chúng ta không được cái khoái trá thả hồn phiêu diêu, mông lung vào những thế-giới huyền-bi, vào vườn Lạc-uyển Elysées, đến chốn Thiên-cung Olympe (5) xuống chín tầng địa-phủ, lên

chín bậc thiên-dương, qua chín nơi rửa tội (6).

Ấu cũng vì thi-nhân ta đã sống những cuộc đời thực-tế, thi ca ta đã dùng để ca hát cuộc nhân-sinh — hay nói cho đúng hơn, — cuộc dân-sinh, cuộc sinh-tồn của Việt-nam dân tộc.

Chúng ta không thích những chuyện hoang-đường, thi nhân chúng ta không tò diêm lòe-loẹt những bài học của lịch-sử, những sự-nghiệp của cha ông, như nhà thơ hùng tráng của Boileau. (4)

Về hùng-tráng của thi-ca Tây lại còn nhờ ở thần thoại; đối với thi ca Á-đông, thần thoại tức là các diên tích. Thần thoại Âu Tây phần nhiều là thần thoại về vũ-trụ-quan và về tôn giáo rất ít chuyện thật thuộc về lịch-sử. (8)

Trái lại các diên tích của Đông Á phần lớn đều là các diên lịch-sử. Vì thế trong lúc thần thoại Âu Tây có vẻ ngây thơ, nhiều khi ngây ngô, lắm lúc vô luân lý (9), thì các diên tích của chúng ta làm cho

người đọc phải cảm - động. « *Ngọn quang - minh* » (10) « *chén tân khổ* » (11) kể « *thao chùy* » (12) người « *bình-liết* » (13) bao giờ cũng gọi lên trong lòng ta những cảm-tình đau đớn và thanh cao. Chuyện thần tiên chỉ để lòng người bình-thản, lịch-sử bao-giờ cũng làm lòng người thiết-tha.

Những hùng - tráng - ca của chúng ta bao giờ cũng giản dị, cũng ít màu mè, cũng không có vẻ kỹ-nghệ, cũng chẳng « *cao đàm hùng-biến* » như một Hugo mà sự « *vô-diều-độ-đẽ làm cho mọi người kinh-khiếp* » (14).

Vả chẳng, cũng vẫn theo lời Boileau, lắm lời cũng không bằng nhiều ý : (15)

Cái hùng-tráng của Homère là con sóng hung hăng ồ-ạt ngoài bề cả, cái hùng tráng của Phạm-ngũ-Lão là tiếng kêu thanh thoát của cái hạc nội bay giữa đám mây ngàn. Nó chỉ kêu lên một tiếng nhưng âm-hưởng ngân lên không dứt trong lòng người đọc. Người ta vẫn bảo Tây là vật chất, Đông là tinh-thần.

Điễm đạm, thi-nhân ta lại còn hoài-nghi. Một nhà phê bình đã bảo Homère rằng thi thánh Hylạp « nhìn nhiều hơn nghĩ » và Homère là « nhà thơ của sự nhận thấy ». (16). Ấy là đức tính của một đứa trẻ con. Các nhà thơ Âu Tây đều là những đứa « trẻ lớn kể lại cho những đứa trẻ bé hơn những chuyện thần tiên mà chúng đã tin lợi lòng tin trịnh trọng của những thính-giả đại dốt nhất ». (17).

Cho nên, một thiên hùng-tráng-ca Âu tây là một chuyện hoang-dương ra ngoài vòng thiết-thực (18). Nghệ thuật Âu-tây vị nghệ thuật hơn vị nhân sinh.

Thái-độ hoài-nghi đã hướng thi nhân ta về lịch sử và đưa họ xa những chuyện thần-kỳ.

Trên kia tôi đã nói không biết bao lần đến sự liên lạc mật thiết giữa thi ca và lịch sử Nam-việt. Có thể bảo rằng thi ca là phản ảnh, là hình ảnh của lịch-sử.

Thiên anh-hùng-ca về Võ-Tánh, thiên ái-quốc-ca về Hoàng-Diện, bước lưu-ly của vua Hàm-Nghi, công cứu-quốc của vua Lê-Lợi đều ghi dấu-vết lại trong thi-ca.

Một kẻ chưa bao giờ đọc đến lịch sử, chỉ đọc qua thi ca của dân-tộc này cũng đủ biết rõ những lúc vinh quang, những hồi đau đớn chung của con Hồng, cháu Lạc.

Thi ca của chúng ta là những mẫu đời của nòi-giống ta. Trải qua bao nhiêu thế-kỷ, thi ca là những di-tích ghi lại những vui buồn của cả toàn-quốc qua nguồn thời-gian. Vì thế thi ca ta bi tráng hơn là hùng tráng.

Thông-chế Pétain đã nói :

Chức vụ của quốc gia chỉ phải thúc dục sự hoạt động trong xã hội, chỉ đến những phương châm và ý nghĩa cho sự hoạt động ấy, và khuyến khích cùng hướng dẫn những sáng kiến của các tư nhân.

Có điều thống-thoải hơn nữa là phần đông thi nhân ta đều là những vai chính đã đóng trò trong các thiên anh-hùng-ca của nòi giống. Còn gì quý-giá hơn một thiên *Enéide* do chính Enée viết nên, một tập *Iliade* do chính Achille để lại. Vì Trần Hưng-đạo vương, vì Nguyễn-Trãi không phải là Enée, là Achille của dân-tộc Việt-nam là gì.

Họ không phải chỉ là Achille và Enée của dân-tộc này, họ còn là Homère và Virgile của chúng ta nữa.

Những thiên hùng-tráng-ca chính họ viết nên để thuật lại sự nghiệp hiển-hách của họ, đã « tìm đến tìm ta, hun nóng nó lên, lay động cho nó xao xuyến » (19).

Những thiên hùng-tráng-ca của chúng ta không phải là những « nhân thư », những « sách giải trí » ly kỳ như Boileau đã bảo thiên *Iliade* của Homère (20). Đó là tâm, là huyết của ông cha để lại cho con cháu.

HOÀNG-THIỆU-SƠN

(1) « Văn-lẽ cá sấu » của Hàn-thuyên làm vào quãng đầu thế-kỷ thứ XIII.

Ngạc ngư kia hỡi ! mảy cỏ hay ?
Bề đông rộng-rãi là nơi mảy.
Phủ-lương đây thuộc về thành-vực
Lạc lối dân mà lại đến đây ?
Hả chẳng biết rằng, nước Việt

xưa

Dàn quen chài lưới chẳng tay vừa
Đời Hùng về mình mà dạy bảo,
Xuống nước giao-long cũng phải

chừa.

Thành thần nổi dõi bản triều nay,
Giấy từ hải-áp ngôi giờ thay,
Vũ-công lừng lẫy bốn phương

lũn.

Bề lợng sông trong mảy cỏ rày.
Sài lang xa dần dần cây cầy.
Nhân vật đều yên đâu ở đây.
Ta vâng để-mệnh bảo cho mảy
Lại về bề đông mà rùng-vẩy.

trích ở Văn Việt Nam của
Đoàn như khức và.
Nguyễn-can-Mộng

Lời chưa thêm. — Về bài thơ của Hàn-thuyên trên đây, chúng ta ngày nay cần phải đánh cái dấu hỏi (?). Trên tờ *Tri-lân* này, ông Từ-Ngọc cũng đã lên tiếng hỏi hai ông Đoàn Như-Khức và Nguyễn Can-Mộng về chỗ xuất xứ bài thơ ấy song chưa thấy hai ông trả lời.

Nay xét sử sách của ta thì Việt sử tông vịnh (quyển 6, mục Văn-thần, truyện Hàn-thuyên) cũng theo *Sử-ký* mà chép rằng : « Thuyên vốn họ nguyên, người Thanh-lâm (Hải-dương), thái-học sinh đời vua Trần thái-lông (1225-1258), làm hình-bộ thượng thư đời vua Trần nhân-tông (1279-1293). Bây giờ có con cá sấu

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

đến sông Lô; vua sai Thuyền làm bài văn ném vào trong sông: cá sấu tự đi. Vua cho việc đó là giống việc Hàn Dũ, bèn cho Thuyền họ Hàn.

(Coi thêm Khâm định Việt sử, chính biên, quyển 7, từ 26 a)

Nay ta nên chú ý: Sĩ-ký chỉ chép là « làm bài văn », chứ không nói là làm thơ và không chép rõ là bằng nôm hay là bằng chữ Hán. Như thế ta lại càng ngờ về bài thơ trên này lắm.

H. B.

(2) « trompette héroïque »

(3) « hauteur divine »

(4) như Iliade, Odyssée

(5) xem Iliade, Odyssée và hầu hết các anh hùng ca La, Hy

(6) xem Divine Comédie (có lượt thuật ở đoạn đầu thiên khái luận này).

(7) «... le poète s'égaye en mille inventions

Orne, élève, embellit, agrandit toute chose,

Et trouve sous sa main des fleurs toujours écloses.

« thi-nhân vui-thủ tạo nên muôn nghìn điển huyền hoặc, mọi vật đều được thi-nhân tô-điểm, lán đường làm cho rực-rỡ, đẹp đẽ, tráng lệ cao xa, vĩ đại. Ngòi bút thi-nhân như luôn luôn thêu hoa, dệt gấm ».

(8) Thần thoại về vũ trụ quan (mythes cosmogoniques) ví dụ: ông Sấm mỵ Sét. thần thoại về tôn-giáo (mythes cosmogoniques) ví dụ: Thiên Xà thánh-mẫu thần thoại về lịch sử (mythes des héros) ví dụ: Phù-đồng thiên-vương.

(9) ví dụ: những chuyện ngoại tình và loạn dâm của nữ-thần Vénus.

(10) Võ-Tánh tự thiên minh.

(11) Ngô-tòng Chu uống thuốc độc

(12) Trương-Lương lập chi gậy vua Tần.

(13)-Tô Vũ kiên-gan cầm cờ liết.

(14) « un manque de modération et de mesure qui stupéfie ».

(15) « souvent trop d'abondance appauvrit la matière (Art Poétique)

(16) « Homère regardait plus qu'il ne réfléchissait, il était le poète de la constatation. Léon Gautier

« Histoire de la langue et de la littérature françaises » publiée sous la direction de Petit de Julleville.

(17) « Ces poètes sont de grands enfants qui racontent à d'autres enfants de belles histoires aux quelles ils ajoutent soit grandement autant de foi que leurs plus crédules auditeurs » (Léon Gautier-ouvrage cité)

(18) Boileau (Art Poétique):

«... le poème épique

« dans le vaste récit d'une longue action

« se soutient par la jable et rit de fiction.

« là pour nous enchanter tout est mis en usage ».

(Anh hùng ca là một câu chuyện ly kỳ kể ra rất dài, luôn luôn dựa vào những chuyện hoang-dường, lấy sinh-lực ở những điển huyền hoặc. Đề làm cho người đọc dễ say-sưa, thi-nhân dùng đủ các « mảnh khoe. »

(19) Boileau (Art Poétique)

« cherche le cœur, l'échauffe, le remue ».

(20) « d'agrément un fertile trésor » (Art Poétique).

QUỐC HỌC THU XÃ

Mới phát hành

VIỆT HOA THÔNG SỬ SỬ LƯỢC

Giá 5\$00

Lược-luận về PHỤ-NỮ VIỆT-NAM

Giá 2\$50

Sắp phát hành

LỊCH - SỬ BẢO - CHI Giá 2\$00

Luận-lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

NGHỆ - THUẬT và DANH - GIÁO



Thư từ ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi

Thư-xã Alexandre de Rhodes

MỚI XUẤT BAN

LỤC VĂN TIÊN

Quyển nhất

bản dịch của Dương-quảng

Hàm, Pháp-văn và Việt-văn

đối - chiếu, kèm tranh ảnh của

Mạnh-Quỳnh

sách dày 250 trang khổ 17x23

bản thường 4\$00 cước 0\$60

bản giấy láng 10\$00 cước 1\$20

Tổng phát-hành

MAI-LINH

21 rue des Pipes

Hanoi

Văn học Việt-nam...

(Tiếp theo trang 7)

rằng sau này mình sẽ làm một nhà văn-học của Việt-nam, mà nhà văn-học của Việt nam tức là nhà văn học của Á-đông vậy. Có lẽ nào nhà văn-học của Á-đông mà không biết văn-học của Á-đông hay sao? Thử xem như người Âu-châu đối với văn học Á-đông, có thể không cần đến cũng được, mà trong mấy mươi năm nay, hãy còn có nhiều người Tây đi du học Trung-hoa, và dịch sách ở Hán-tự đề mà kẻ cứu. Gần đây, tôi lại nghe ở bên Paris, có lập trường Hán-học và thu tất cả « Tứ khố toàn thư » của Tàu, đem về để mà khảo cứu. Các ngài là người Á-đông, thì học cái học của Á-đông chính là trách nhiệm của mình vậy. Nhà cựu học thì cách phê bình và cái thế lực truyền bá không bằng các ngài, các ngài đã tinh thâm Tây học, thì sự khảo cứu, sự phán đoán, ắt có phương-pháp. Tôi thiết tưởng các ngài sau khi học Tây học đã thành tài rồi, nên lấy cái thời giờ rảnh mà nghiên-cứu cái tinh lý của Hán-học cho được rộng. Sau các ngài lấy cái con mắt các nhà Tây học mà phán đoán và tả chân ra

làm thành sách vở quốc ngữ để truyền lại nghĩa lý Hán-học cho người đời sau. Như thế, thì các ngài sẽ là một nhà « văn học cụ thể » cả Âu lẫn Á mà có công cho học-giới sau này thật vô cùng vậy »

« Tôi chỉ trông rằng sau này sẽ có một ngày kia (!). Họ : mới, học cũ cùng chung đúc lại một lò, mà thành ra một nền văn học riêng của Việt nam ta. thế thì con đường học văn nước ta vinh hạnh biết là đường nào ! nhưng mà, muốn cho đạt được cái sự ước ao ấy thì đương trông mong ở các ngài vậy ». (3)

Tôi đã trích cả một phần dài bài diễn thuyết trên đây vì nó có cái giá trị một tờ « biên bản » — kèm thêm một tờ di-chức — ghi tất cả các công việc : mà phải cựu học phải làm trước khi thoái vị, và các công việc mà phải tân học sẽ phải làm sau này.

Chỉ tiếc rằng cái chương trình của diễn giả trong bài này không được đồng bào ta theo một cách triệt-đề.

Về phái cựu học, ta đã thấy các ông Phan Kế-Binh, Đông-Châu, Tùng-Vân, Trần trọng Kim làm công việc bảo-tồn cái hương hỏa

nhô học,... ngày nay ta còn thấy những ông Ngô tất-Tổ, Trúc-Khê tiếp tục những công việc lớp trên chưa làm xong... Còn phải tân học, nào những ai đã đứng lên đề đảm nhận, cái việc bảo tồn nhô học, đem cái học cũ và cái học mới ra dung-hòa để đúc chuốt nên một nền văn học không Tàu, không Tây, mà hoàn-toàn Việt-nam ?

Nhân cuộc cách mệnh văn-lọc ngày nay, ta có sẽ thấy cái ước vọng của lớp nhà văn trước được thực hiện hay không ?

(Hết)

LÊ-THANH

1) Cuộc phỏng vấn các nhà văn — Lê-Thanh trang 57.

2) Cuộc phỏng vấn các nhà văn — Lê-Thanh, trang 13-15.

(3) Cũng trong Nam-phong

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được : *Thượng cổ sử cực đông* (Ấn-độ — Trung hoa) của ông Ng. đức Quỳnh đang trong tạp chí văn mới số 32-34, giá 5 \$ 00. Hầu Thuyền xuất bản.

Xin cảm ơn nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn đọc.

TRI TÂN

Đã có bán

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của PHAN VĂN HỮU

Một quyển sách quý trong « Tủ sách triết học » Tân Việt — Một tác phẩm vĩ đại trong văn học-giới — Một thiên khảo cứu gồm thân thể và học thuyết Vương dương Minh mà ta có thể tự phụ rằng từ xưa đến nay khắp thế giới chưa có quyển nào được lĩnh tượng hơn.

Sách dày ngót 500 trang — khổ rộng — có 3 bức địa đồ và 10 000 chữ Hán — Bìa, l-cho 5 màu. (V) giấy khan nên chỉ in có 500 quyển. Giá 13 \$ 80.

Ở Hanoi sách chỉ bán tại nhà xuất bản
TÂN-VIỆT, 29, LAMBLLOT — HANOI

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

CHẠY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 27

Chàng dịu dàng nhìn lại và âu-
yếm nói:

— Anh không có lòng nào rõ hại
em! Chỉ tại em cố bắt buộc trong
khi đấu, đã nhiều lần anh toan
quý xuống chân em cho em đặc
lặng. Nhưng nghĩ lại, em đặc
thắng rồi cũng cũng một đời.
Xin em tha thứ cho anh! Kiếp này
đã gặp dang nhau, em khôn
biết xin chờ anh với!

Chàng khước thành tiếng và cầm
lấy thanh kiếm toan bề tự sát.
Nhưng Văn-Côi tỉnh ý nhanh-nhẹn
giật ngay lấy kiếm và nghiê-
ngi! bảo chàng:

— Không được: công-tử không
có quyền! Làm một người con
giai, nhất là một vị tráng-sĩ
chính tông, không bao giờ được
chết vì một người con gái! Người
ta còn bao nhiêu công việc ở đời.
Phải sống để mà giải nợ đời đã!
Chết vì cha mẹ còn được! Chết
chết về một người con gái, là đồ
lên mặt. Kim-Vân công-chúa đã
chết về vang khi báo thù cha.
Anh em ta đây đều phải cúi đầu
cảm phục. Công-tử mà chết theo
nàng tức là làm ô-danh đấy! Công-
tử há lại chịu làm ô-danh con
người công-tử yêu kính sao!

Nghe Văn-Côi nói, Đoàn-Vân
bình tỉnh lại lau nước mắt, quý
rạp xuống bên mình Kim-Vân ghé
tai kêu khẩn:

— Kim-Vân em ơi! Em linh thiêng

trình bạch, xin em tha thứ cho
anh!

Mắt nàng chong lại, rồi từ-từ
nhắm nghiền đề hồn xa lìa hẳn cõi
sống đầy cảnh đau lòng. Đoàn-
Vân vuốt mắt cho nàng, rồi thân
bế nàng đặt lên nằm cùng giường
với Chương-Võ hoàng-đế Nguyễn-
Nộn! Đặt hai người nằm song-
song, phủ bức màn điều lên trên,
rồi chàng quay ra hắt hàm hổi
Văn-Côi nên sử trí thế nào? Văn-
Côi nói:

— Công-tử làm cấp quá, chúng
tôi không biết liệu trước gì cả.
Bây giờ đã đến cơ sự này, cũng
hơi khó...

Đoàn-Vân gắt:

Không khó gì cả. Rồi ra, ở ngoài
các anh muốn làm thế nào thì làm!
Ở đây, các anh em phải nhất
luật tuân theo mệnh lệnh của tôi,
anh em có bằng lòng.

Mọi người đang phấn khởi vì
thái độ anh-hung của chàng đều
đồng thanh đáp:

— Xin tuân!

Đoàn-Vân cũng dặn nói:

— Theo ý tôi, cơ-sở họ Trần
đã vững vàng lắm rồi, lòng dân
đã bắt đầu theo họ, lòng người
đã về tức là lòng giới về, vận nhà
Lý thế là hết. Gia-dĩ cha tôi và
bác tôi đây đều chết không được
như ý, dân-gian đã không còn
mẫu có nhà tin theo nữa, tôi tưởng
tài giỏi đến đâu cũng khó lòng

mà xoay lại nổi cơ-dồ, chẳng qu
chỉ lại làm tàn dân bại vật! Vậy
tôi muốn, ngay bây giờ, binh lính
người ngoài chưa ai biết mọi việc
vừa xảy ra, tôi xin anh em phóng
lửa hỏa-táng hai kẻ bại trận nằm
trên giường kia, rồi nhân thế
phóng đốt cả cung điện dinh trại,
làm như là một vụ hỏa-tái không
ai ngờ gì nữa!

Văn-Côi nói:

— Nhưng mà... Thế là công-tử
định thôi hẳn không chống nhau
với họ-Trần nữa?

— Phải, cái thế không sao địch
lại được họ rồi, có kéo dài ra chỉ
làm khổ dân!

— Vậy đề chôn cất cho hai cha
con Chương-Võ, rồi nhờ ngay
Trần-Phi đẩy cầu hòa nộp đất cho
họ, có phải hơn không?

— Nhưng tôi không muốn cho
lộ chuyện! để cho người ngoài
tưởng là chết vì hỏa tai, còn hơn
là cho họ biết trong bọn tráng-sĩ
mình lại thù giết lẫn nhau. Tôi
chẳng qua là vì thù cha phải giả,
chứ ai muốn!

Văn-Côi nói:

— Vâng! thế được, chúng tôi
xin theo ý công-tử.

Hòa-Đạo cũng tiếp:

— Công-tử nghĩ cao thật! Làm
chúng tôi cứ ngờ công-tử. Đoàn-
Vân buồn mãi tiếp:

— Tôi đã nghĩ chơn rồi. Thù
cha thì phải giả. Mà kẻ đề Chương-

Vô sống cũng không còn được ích lợi gì nữa. Thế nào họ Trần rồi cũng thắng, nên tôi giốc chỉ báo thù. Tôi ngờ ngay từ đầu, rồi sáng bên này mấy hôm là tôi nhận rõ cả tâm địa của họ. Nên tôi phải tỏ ra thân thiết với họ, giết hại những kẻ đả đốn với mình, thì họ mới tin thân mình, mới có ngày được dễ dàng như thế này chứ!

Ngừng một lúc, chàng nghiêm nghị truyền:

— Vây ta làm việc ngay đi, nhân lúc mọi người đều ngủ cả không ai biết. Các anh, làm dầu đốt giường... Rồi Thanh-Nguyên về tầm dầu đốt lâu, mấy anh ở đây đốt cùng. Tôi và Hòa-Đạo sang đốt điện, Ta cùng trông làm sao cho ngọn lửa lên đều là hay. Lúc ấy quân lính dân gian tỉnh dậy chỉ còn có việc mà chạy. Ta ra đốc xuất lính canh cầm cho họ cướp bóc nhau và giữ cho trại ngoài khỏi cháy. Thế là được. Nào đi:

Mọi người đều răm-rập tuân lệnh. Ba tên lính túc vệ thân-tín của Đoàn công-tử đem từ trên lên lúc ấy cũng được Thanh-nguyên đánh thức dậy giúp việc. Đoàn-Vân lại vào giường ôm lấy mặt Kim-Vân công-chúa khóc một lúc, vừa khóc vừa khăn.

— Eta sống tài hoa cao quý trong sạch, chết không thiêng, trích-trắng, thân thông biến hóa xin em soi xét tấm lòng anh mà tha thứ cho anh.

Ngọn lửa ở bốn góc giường đã bốc lên ngùn-ngụt. Hòa-Đạo vội lôi giắt Đoàn-Vân ra. Chàng vẫn còn cảm-dộng đề cho nước mắt tuôn rơi, vẫn dăm dăm nhìn Kim-Vân công-chúa không chớp, nhất là lúc ấy nét mặt nàng vẫn dịu

dàng bình thản càng làm che chàng đau lòng lắm.

Bốn ngọn lửa dần-dần bốc lên, biến hóa ra nhiều ngọn nữa, và sau cùng hợp làm một, đề rồi lại tan ra làm ngọn, thiêu hết hai rai tử thi, thịt cháy sèo-sèo, mùi khét xông ra đầy phòng, ngạt il ở.

Mọi người đã ra ngoài cả, và theo như mệnh lệnh lúc rầy, ai làm việc ấy. Một lúc sau, mấy ngọn lửa ở mấy nơi cùng lem-lem luồn qua sà, bò qua tường, lặn qua mái bốc lên. Thêm có dầu giúp sức, lại được làn gió tự đâu bốc đến thổi vào, những ngọn lửa được thỏa sức nhảy múa bốc lên ngùn-ngụt, sáng rực cả một góc giới. Trống lâu canh bỗng thúc liên-thanh, tiếng chuông tiếng mõ đồ vô hồi, tiếng kêu ầm ỹ của người vừa tỉnh giấc chạy tưng tưng làm huyên-náo cả một khối đêm yên-tĩnh. Kể chạy đi chạy lại sộp-sộp. Quân lính cơ nào vệ ấy theo mệnh lệnh Đoàn công-tử, tay cầm cờ tiết bắt chạy ra quanh thành cứu hỏa những khu vực ở ngoài và ngăn giữ mọi sự há hiếp. Vài người kiểm-đang khát máu đưa ngang, vài cái đầu trái mệnh bị rụng. Đầu dây đều răm-rập bước lên gai, xông vào lửa theo tướng lệnh. Ngọn lửa vẫn vô tình bốc càng cao, thiêu càng dữ, nhà cửa lâu đài đồ ăm-ăm, gỗ nề dóm dóp như sấm sét. Không còn một sức gì cản trở được lửa nữa. Tăm nghìn ngọn cùng bốc lên, cùng múa-mạng cùng chen lấn nhau, cùng vươn tay lên mà kéo đồ những tường, những cột xuống mà san cho phẳng, mà giải cho

đền. Trong khoảnh-khắc, cái khu thành trong bao nhiêu là lâu đài cùng điện, đã phẳng sạch sành sanh, chỉ còn là một cái bề mông mênh vàng ối, những làn sóng lửa ào-ào chuyển đều sấm sập theo chiều gió thổi, vô cùng kinh khủng. Có lẽ đây đã biến thành lò lửa của âm-cung!

Ở ngoài thành, tiếng kêu ầm ỹ, ồn-ào, nhưng ai nấy vẫn giữ kỷ-tự, không lộn sộn, chạy các đồ đạc và chống chọi với thân lửa không cho tràn ra ngoài thành. Sức người đã thắng. Cái bề lửa kia cạn dần cạn dần đề phơi cái đáy đồ ngòn.

Sức đồ rực ở đây đã giảm, thì ở ngoài giới, phương đông đã đồ rực rồi, dần dần lửa áp đè bẹp sức sáng ở đám hỏa lại xuống. Giới đã bắt đầu mờ sáng.

Viết xong ngày 9 mai 1942

CHU-THIÊN

ĐA CỐ BẢN

NGUYỄN VĂN SIÊU

của NG. NHƯ THIẾT và NG. VĂN ĐỀ (tựa của, quan Thượng Phạm Quỳnh và quan Lễ bộ thượng thư Ưng-Bình Húc giả, Thi)

T Người mà vua Tự Đức đã tự phụ trong câu:

« Văn như Siêu, Quát vô tiền Tần »

Giá 2 \$ 90



Còn một số ít

Tuyển tập thường 1 Giá 4 \$ 50

Tìm nghĩa văn học — 2 \$ 20

Triết học Aristotle — 3 \$ 80

Lý Tao — 6 \$ 00

Nhà xuất bản TẤN VIỆT

29 — Lamblot — Hanoi

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »



= HÂN THUYỀN =

25 Juin có bán

VĂN HỌC

HÂN THUYỀN

KHÁI-LUẬN

71 Tiểu Tsin
HANOI

Soạn giả: ĐẶNG THAI MAI

Văn học là gì các nhà văn sáng tác phải theo những nguyên tắc gì? Nhà văn có quan hệ với xã hội ra sao? Nhiệm vụ của nhà văn là gì? Nhà văn có được quyền sống tự do, viết tự do không? Văn chương có cần phải giữ cốt lõi tình quốc gia không? Những thuộc-tính của một văn phẩm kiệt tác là những gì?

ĐÃ CÓ BÁN

XÃ HỘI VIỆT-NAM

của Lương Đức Thiệp

Dày hơn 400 trang — Giá: 8\$50

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC

SỬ LƯỢC

của PHAN KHOANG

Một bộ sách kê-cứu rõ ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh-thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại:

Loại thường bán 6\$20 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho:

Nhà in MAI-LINH Hanoi

Quảng-Vạn-Thành phát hành sắp in xong

ĐỜI ĐOÀN THỂ

của Hải-Tùng — « Tam-Hữu » xuất bản

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Sách dày ngót 150 trang giấy ta, có 17 mục: 1. Tư-đức và Công-đức — 2. Cá-nhân và Xã-hội — 3. Xã-hội và các loại xã-hội — 4. Xã-hội muốn đứng vững và tiến bộ cần những điều kiện gì — 5. Quan-niệm về xã-hội của nước ta — 6. Vì dân quan-niệm về xã-hội của người Việt-Nam không được chính xác? — 7. Quan-niệm về xã-hội không được chính-xác gây ra những tệ-hại gì? — 8. Người Việt-nam ngày nay nên có quan-niệm về xã-hội như thế nào? — 9. Mấy nguyên tắc chính nên chú ý vào khi ta muốn dựng một xã-hội chắc chắn. — 10. Tinh-thần hợp tác. — 11. Tinh-thần giữ kỷ-luật. — 12. Tinh-thần chịu trách-nhiệm và giữ trách-nhiệm — 13. Tôn trọng việc công và của cố-ig. — 14. Giữ lễ — 15. Làm việc cho xã-hội. — 16. Lòng bác-ái. — 17. Dùng cơ-quan nào dựng nên công-đức ở xã-hội ta. Giá bán lẻ 2\$00

Vị nào gửi tiền mua trước ngày 30 Juin 1944, xin trừ 20% cước phí không phải chịu

Cùng các vị thân chủ Thư-quán, xin chú ý rằng những sách do Quảng-vạn-Thành phát hành đều là sách chọn lựa cẩn thận, vị nào muốn cũ bao nhiêu xin kịp viết thư thương-lượng, không lại nhờ như quyền Văn liêu Từ-diễn năm ngoái, có vị biết đến thì đã hết rồi.

Cùng các nhà văn. — « Tam-Hữu » bản cục chúng tôi, muốn công-hiến quốc-dân những sách có giá-trị, vậy trong hải nội quan-tử, vị nào có tác-phẩm gì — hoặc sáng tác, hoặc phiên-dịch, nhất về phổ-thông học-thức — xin cho biết, chúng tôi sẽ tìm đến, trân trọng cầu xin, lẽ tất nhiên không dám để phụ lòng những bậc văn-hào hạ cổ tin yêu tới.

Mọi việc giao-dịch, xin do: Quảng-Vạn-Thành

16 phố Lê Lợi Hanoi — 51 phố Doumer Haiphong

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1944 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant: Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi